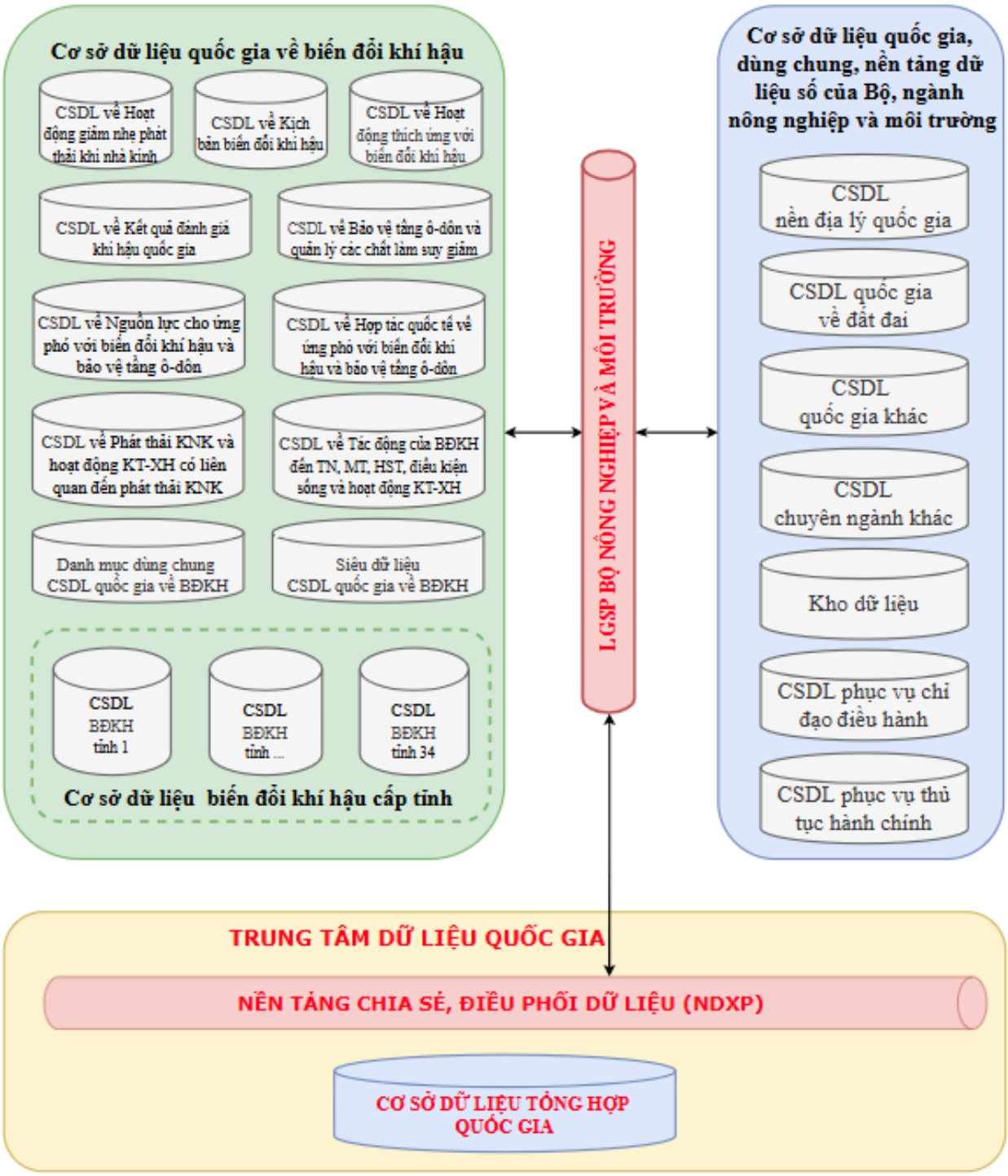
Số: 72/2025/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2025-12-22T14:48:12+07:00

Phụ lục II

CẤU TRÚC CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

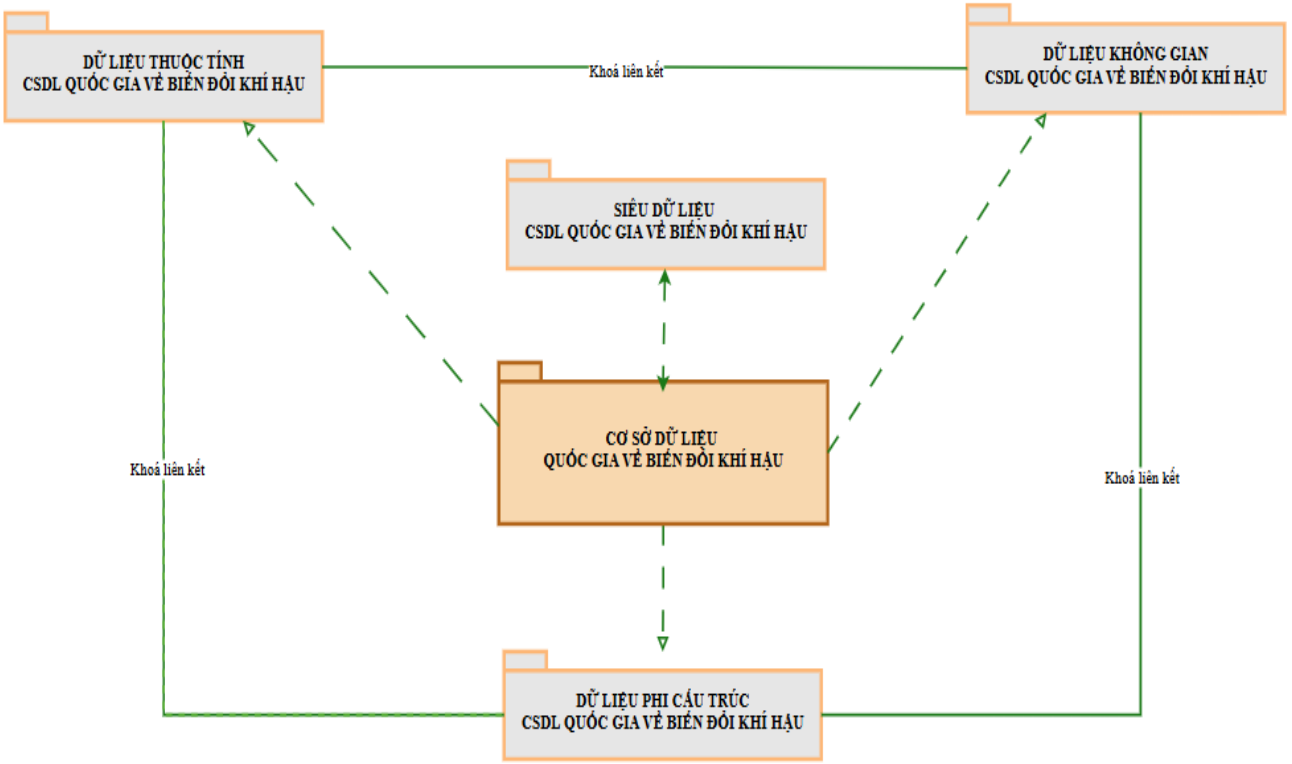
(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Kiến trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu

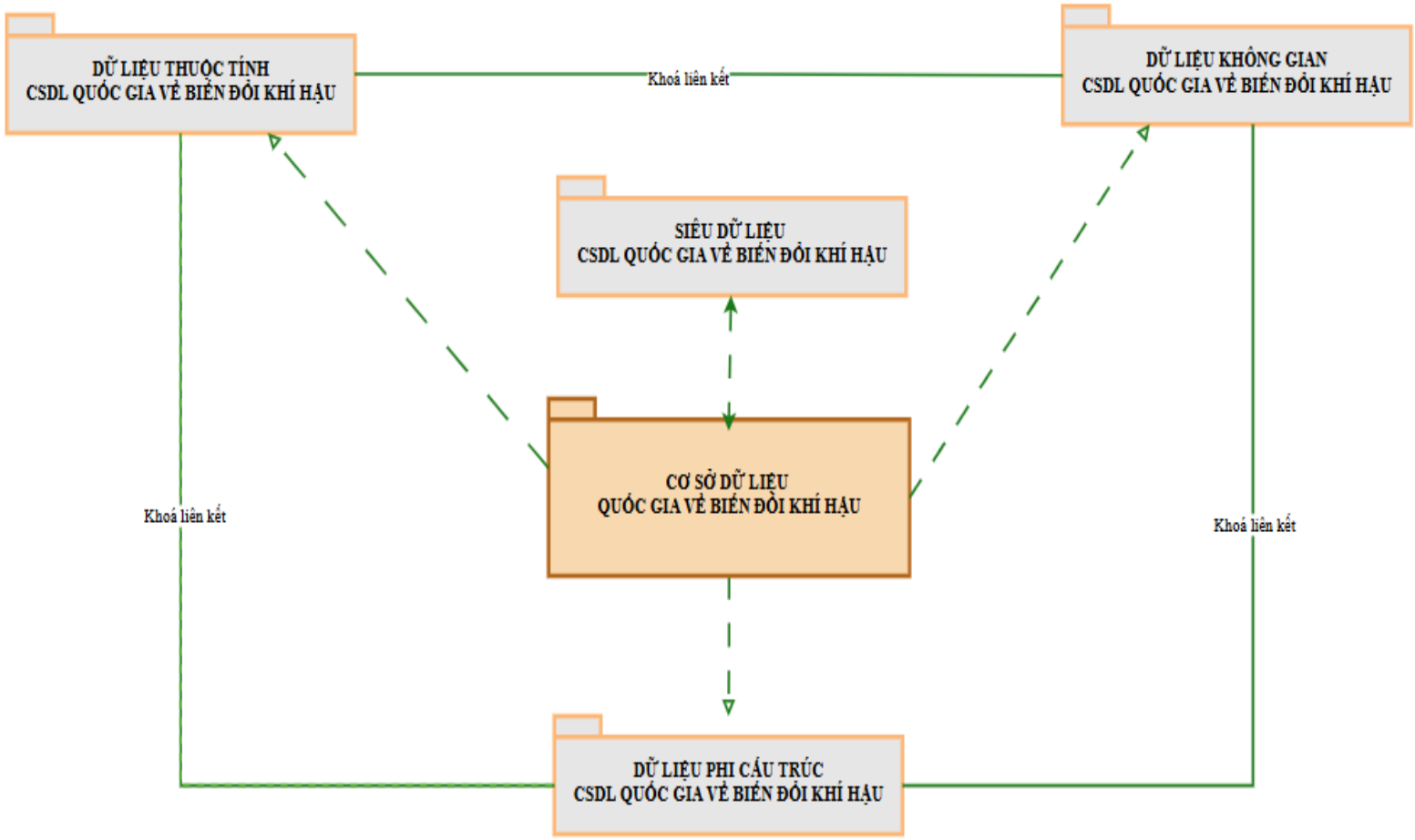


II. Mô hình cấu trúc các thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu

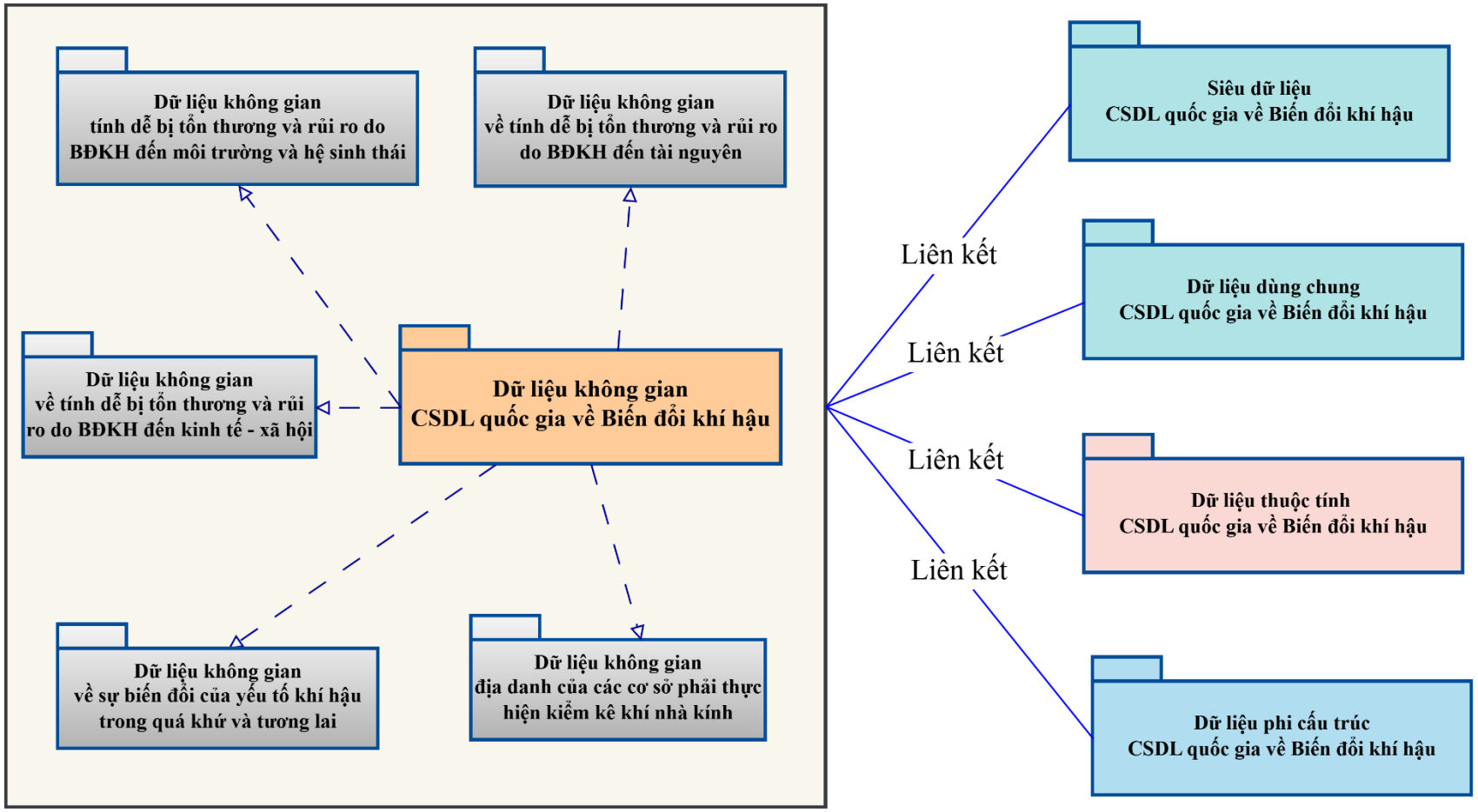
1. Mô hình tổng quát cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu



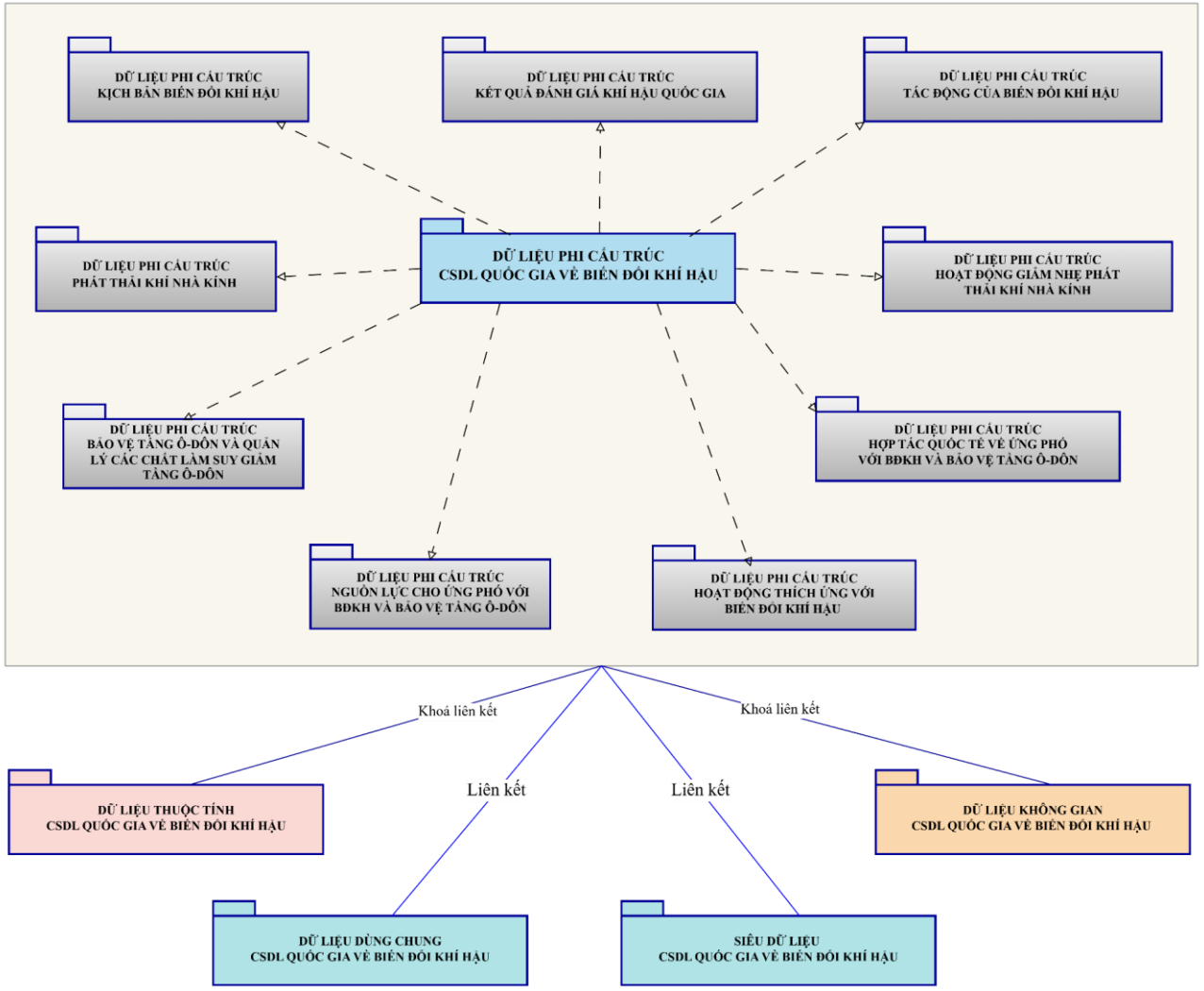
2. Mô hình dữ liệu không gian cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu



3. Mô hình dữ liệu thuộc tính cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu



4. Mô hình dữ liệu phi cấu trúc cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu



II. Cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu

1. Dữ liệu danh mục, bảng mã

Mã	Giá trị
1.1. Các tài nguyên trong hệ thống tự nhiên chịu tác động của biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_PhanLoaiTaiNguyen	
1	Tài nguyên đất
2	Tài nguyên nước
3	Tài nguyên khoáng sản
4	Tài nguyên rừng
5	Đa dạng sinh học
6	Tài nguyên biển, đảo
7	Hệ sinh thái
8	Điều kiện sống
1.2. Các ngành/lĩnh vực trong hệ thống kinh tế và hệ thống xã hội chịu tác động của biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_PhanLoaiLinhVucKTXH	
1	**Hệ thống kinh tế**
1A	Nông nghiệp
2B	Lâm nghiệp
3C	Giao thông vận tải
4D	Xây dựng và Đô thị
5E	Công nghiệp
6F	Năng lượng
7G	Thông tin và Truyền thông
8H	Du lịch
9I	Thương mại và dịch vụ
2	**Hệ thống xã hội**
2A	Phân bố dân cư
2B	Dịch vụ y tế
2C	Nhà ở và điều kiện sống
2D	Sức khỏe
2E	Văn hóa
2F	Giáo dục
2G	Đối tượng dễ bị tổn thương
2H	Giới và giảm nghèo
1.3. Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí	

Mã	Giá trị
hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_LinhVucHoatDongThichUng	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
2	Môi trường và đa dạng sinh học
3	Tài nguyên nước
4	Giao thông vận tải
5	Xây dựng, đô thị
6	Công nghiệp, thương mại và dịch vụ
7	Y tế và sức khỏe cộng đồng
8	Lao động, xã hội
9	Văn hóa, thể thao và du lịch
10	Quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn
11	Quản lý rủi ro thiên tai
1.4. Khí nhà kính được kiểm kê	
Tên bảng dữ liệu: DM_ KNKDuocKiemKe	
1	CO_2
2	CH_4
3	N_2O
4	HFCs
5	PFCs
6	SF_6
7	NF_3
1.5. Bộ quản lý	
Tên bảng dữ liệu: DM_BoQuanLy	
0	Quốc gia
1	Bộ Công Thương
2	Bộ Xây dựng
3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
1.6. Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính	
Tên bảng dữ liệu: DM_LinhVucKiemKeKNK	
1	Năng lượng
2	Các quá trình công nghiệp
3	Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất
4	Quản lý chất thải

Mã	Giá trị
5	Nguồn không phân loại khác
1.7. Tiểu lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính	
Tên bảng dữ liệu: DM_TieuLinhVucKiemKeKNK	
1	**Năng lượng**
1A	***Các hoạt động đốt nhiên liệu***
1A1	*Công nghiệp năng lượng*
1A1a	Sản xuất điện và nhiệt điện
1A1ai	Sản xuất điện
1A1aii	Sản xuất điện, nhiệt kết hợp
1A1aiii	Sản xuất nhiệt
1A1b	Lọc hóa dầu
1A1c	Sản xuất nhiên liệu rắn và ngành công nghiệp năng lượng khác
1A1ci	Sản xuất nhiên liệu rắn
1A1cii	Chế biến khí
1A2	*Công nghiệp sản xuất và xây dựng*
1A2a	Sản xuất sắt thép
1A2c	Sản xuất hóa chất, hóa dầu
1A2d	Sản xuất giấy, bột giấy và in ấn
1A2e	Sản xuất thực phẩm, đồ uống, thuốc lá
1A2f	Sản xuất khoáng phi kim
1A2g	Sản xuất thiết bị vận tải
1A2h	Sản xuất thiết bị máy móc
1A2i	Khai khoáng
1A2j	Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ
1A2k	Xây dựng
1A2l	Dệt may và đồ da
1A2m	Công nghiệp không xác định
1A3	*Giao thông vận tải*
1A3a	Giao thông hàng không
1A3b	Giao thông đường bộ
1A3c	Giao thông đường sắt
1A3d	Giao thông đường thủy
1A4	*Lĩnh vực khác*
1A4a	Thương mại, dịch vụ
1A4b	Dân dụng

Mã	Giá trị
1A4c	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
1A5	*Công nghiệp không xác định*
1B	***Phát tán từ nhiên liệu***
1B1	*Khai thác than*
1B1ai	Khai thác than hầm lò
1B1aii	Khai thác than lộ thiên
1B2	*Khai thác dầu và khí tự nhiên*
1B2a	Khai thác dầu
1B2b	Khai thác khí tự nhiên
1C	***Vận chuyển và lưu trữ Các-bon-nic***
1C1	Vận chuyển Các-bon-nic
1C2	Bơm và lưu trữ Các-bon-nic
1C3	Quá trình khác
2	**Quá trình xử lý công nghiệp**
2A	***Công nghiệp khoáng sản***
2A1	Sản xuất xi măng
2A2	Sản xuất vôi
2A3	Sản xuất thủy tinh, kính xây dựng
2A4	Quá trình khác trong sử dụng Các-bon-nát
2A5	Quá trình công nghiệp khoáng sản khác
2B	***Công nghiệp hóa chất***
2B1	Sản xuất amoniac
2B2	Sản xuất axit nitric
2B3	Sản xuất axit adipic
2B4	Sản xuất Axit Caprolactam, Glyoxal và Glyoxylic
2B5	Sản xuất Carbide
2B6	Sản xuất Titan dioxit
2B7	Sản xuất Soda
2B8	Sản xuất Các-bon đen và hóa dầu
2B9	Sản xuất hợp chất chứa Flo
2B10	Sản xuất công nghiệp quá chất khác
2C	***Luyện kim***
2C1	Sản xuất sắt thép
2C2	Sản xuất hợp kim chứa sắt
2C3	Sản xuất nhôm

Mã	Giá trị
2C4	Sản xuất magie
2C5	Sản xuất chì
2C6	Sản xuất kẽm
2C7	Luyện kim khác
2D	***Sử dụng nhiên liệu cho các sản phẩm phi năng lượng và sử dụng dung môi***
2D1	Sử dụng chất bôi trơn
2D2	Sử dụng sáp parafin
2D3	Sử dụng dung môi
2D4	Sử dụng các hóa chất khác
2E	***Công nghiệp điện tử***
2E1	Mạch tích hợp hoặc chất bán dẫn
2E2	Tấm màn hình bóng bán dẫn dạng phim mỏng
2E3	Tấm quang điện
2E4	Chất truyền dẫn nhiệt
2E5	Công nghiệp điện tử khác
2F	***Sử dụng sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn***
2F1	Máy lạnh và điều hòa không khí
2F2	Các chất trợ nở
2F3	Chất chữa cháy
2F4	Sol khí
2F5	Các dung môi
2F6	Sản phẩm khác
2G	***Sản xuất và sử dụng các sản phẩm công nghiệp khác***
2G1	Linh kiện điện tử
2G2	Các khí SF_6 và PFC từ sản phẩm khác
2G3	Khí N_2O từ sử dụng sản phẩm
2G4	Các sản phẩm công nghiệp khác
2H	***Các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm khác***
2H1	Công nghiệp giấy và bột giấy
2H2	Công nghiệp thực phẩm và đồ uống
2H3	Chưa phân loại
3	**Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất**
3A	***Chăn nuôi***

Mã	Giá trị
3A.1	Tiêu hóa thức ăn
3A.2	Quản lý chất thải vật nuôi
3B	***Đất***
3B.1	Đất rừng
3B.2	Đất trồng trọt
3B.3	Đất cỏ
3B.4	Đất ngập nước
3B.5	Đất ở
3B.6	Đất khác
3C	***Các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO_2***
3C.1	Đốt sinh khối
3C.2	Sử dụng vôi trong canh tác
3C.3	Bón phân Ure
3C.4	N_2O trực tiếp của đất
3C.5	N_2O gián tiếp của đất
3C.6	N_2O gián tiếp của quản lý chất thải vật nuôi
3C.7	Canh tác lúa
3D	***Nguồn phát thải/hấp thụ khác***
3D.1	Sản phẩm gỗ thu hoạch
3D.2	Chưa phân loại
4	**Quản lý chất thải**
4A	***Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn***
4A.1	Bãi chôn lấp chất thải rắn được quản lý
4A.2	Bãi chôn lấp chất thải rắn không được quản lý
4A.3	Bãi chôn lấp chất thải rắn không được phân loại
4B	***Phát thải từ xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học***
4C	***Phát thải từ thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải***
4C.1	Thiêu đốt chất thải
4C.2	Đốt lộ thiên chất thải
4D	***Xử lý và xả thải nước thải***
4D.1	Xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt
4D.2	Xử lý và xả thải nước thải công nghiệp
4E	***Nguồn khác (tự khai)***
5	**Nguồn không phân loại khác**
5A	Phát thải N2O gián tiếp từ quá trình lắng đọng Ni-tơ thành các

Mã	Giá trị
	hợp chất NOx và NH_3 trong khí quyển
5B	Nguồn phát thải khác
1.8. Nội dung ngành nghề kinh doanh	
Tên bảng dữ liệu: DM_NganhNgheKinhDoanh	
A	**Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**
1	Trồng trọt và chăn nuôi
2	Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan
3	Khai thác, nuôi trồng thủy sản
B	**Khai khoáng**
4	Khai thác than cứng và than non
5	Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên
6	Khai thác quặng kim loại
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng
C	**Công nghiệp chế biến, chế tạo**
10	Sản xuất thiết bị điện
11	Chế biến thực phẩm
12	Chế biến đồ uống
13	Sản xuất sản phẩm thuốc lá
14	Dệt
15	Sản xuất trang phục
16	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan
17	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa
18	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
19	In, sao chép bản ghi các loại
20	Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
21	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất
22	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic
23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác
24	Sản xuất kim loại
25	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)
26	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu
27	Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc, bán rơ moóc
28	Sản xuất phương tiện vận tải khác
29	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

Mã	Giá trị
30	Công nghiệp tái chế
31	Công nghiệp khác chưa được phân vào đâu
D	**Sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí**
32	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí
E	**Cấp nước, xử lý nước thải, rác thải**
33	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
34	Thoát nước và xử lý nước thải
35	Thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu
36	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
G	**Xây dựng**
37	Xây dựng nhà các loại
38	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
39	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
40	Sản xuất vật liệu xây dựng
H	**Vận tải, kho bãi**
41	Vận tải đường sắt
41	Vận tải đường bộ
42	Vận tải đường thủy
43	Vận tải hàng không
44	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải
45	Bưu chính và chuyển phát
I	**Y tế và trợ giúp xã hội**
46	Bệnh viện
47	Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung
48	Ngành kinh tế khác (tự khai)
1.9. Các biện pháp giảm nhẹ	
Tên bảng dữ liệu: DM_CacBienPhapGiamNhe	
E	**Năng lượng**
E1	Sử dụng điều hòa nhiệt độ hiệu suất cao hộ gia đình
E2	Sử dụng tủ lạnh hiệu suất cao
E3	Sử dụng đèn thắp sáng tiết kiệm điện
E4	Sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời
E5	Sử dụng khí sinh học thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn

Mã	Giá trị
E6	Sử dụng nhiên liệu sạch hơn cho đun nấu ở nông thôn
E7	Tối ưu hóa chu trình đốt clinke
E8	Giảm tổn thất nhiệt lò nung clinke
E9	Thu hồi nhiệt thải từ sản xuất xi măng
E10	Sử dụng máy nghiền đứng để nghiền phối liệu trong sản xuất xi măng
E11	Áp dụng công nghệ cải tiến trong sản xuất gạch nung
E12	Nung nóng sơ bộ thép phế liệu trước khi đưa vào lò điện hồ quang (EAF)
E13	Gia nhiệt trong máy cán thép
E14	Thu hồi nhiệt khí từ lò thổi Oxy (BOF)
E15	Phun than antracit bột phun vào lò cao
E16	Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp (trừ 03 phân ngành sản xuất gạch, xi măng và sắt thép)
E17	Giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới
E18	Chuyển đổi phương thức vận tải hành khách từ sử dụng phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng
E19	Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường sắt
E20	Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường thủy nội địa và đường ven biển
E21	Sử dụng xe buýt CNG
E22	Tăng hệ số tải của ô tô tải
E23	Sử dụng nhiên liệu sinh học
E24	Sử dụng xe ô tô điện
E25	Sử dụng xe máy điện
E26	Sử dụng xe buýt điện
E27	Sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao trong dịch vụ, thương mại bao gồm làm mát và làm lạnh
E28	Phát triển thủy điện nhỏ
E29	Phát triển điện mặt trời tập trung
E30	Phát triển điện mặt trời mái nhà
E31	Phát triển điện gió trên bờ
E32	Phát triển điện gió ngoài khơi
E33	Phát triển nhiệt điện sinh khối
E34	Phát triển điện rác - thiêu đốt

Mã	Giá trị
E35	Phát triển điện rác - chôn lấp
E36	Phát triển điện khí sinh học
E37	Phát triển tua-bin khí hỗn hợp sử dụng LNG
E38	Phát triển công nghệ nhiệt điện trên siêu tới hạn
E39	Các biện pháp khác
A	**Nông nghiệp**
A1	Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT đầy đủ
A2	Rút nước giữa vụ
A3	Chuyển Lúa thành Lúa – tôm
A4	Chuyển đất lúa thành đất cây trồng cạn
A5	Quản lý cây trồng tổng hợp cho lúa
A6	Quản lý cây trồng tổng hợp cho cây trồng cạn
A7	Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò sữa
A8	Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò thịt
A9	Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho trâu
A10	Tái sử dụng phế phẩm nông nghiệp
A11	Thay thế phân UREA bằng phân đạm a môn, chậm tan, tan có điều khiển
A12	Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT trung bình
A13	Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT kém
A14	Tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân cho cà phê
A15	Tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ
A16	Chương trình khí sinh học
A17	Bón phân hữu cơ và thực hành nông nghiệp hữu cơ
A18	Các biện pháp khác
F	**Lĩnh vực LULUCF (sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp)**
F1	Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi
F2	Bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng ven biển
F3	Phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng
F4	Nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo
F5	Nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn
F6	Nhân rộng các mô hình NLKH để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất
F7	Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
F8	Các biện pháp khác

Mã	Giá trị
W	**Lĩnh vực Chất thải**
W1	Giảm phát sinh CTR (chất thải rắn)
W2	Tái chế CTR (chất thải rắn)
W3	Sản xuất phân compost
W4	Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện
W5	Sản xuất RDF
W6	Chôn lấp bán hiếu khí
W7	Giảm phát thải mê-tan bằng thu hồi khí từ bãi chôn lấp
W8	Xử lý kỵ khí có thu hồi mê-tan cho phát điện
W9	Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt
W10	Ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ CH4 từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt
W11	Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải công nghiệp
W12	Thu hồi khí CH4 từ xử lý nước thải công nghiệp
W13	Các biện pháp khác
I	**Lĩnh vực các quá trình công nghiệp**
I1	Sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker (đá vôi, Puzolan)
I2	Sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker (xỉ lò thổi, tro bay)
I3	Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải N2O và NH3 trong sản xuất hóa chất và phân bón
I4	Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép (cải tiến công nghệ BOF)
I5	Sử dụng môi chất lạnh thân thiện với khí hậu (chuyển đổi HFC có GWP thấp trong lĩnh vực lạnh và ĐHKK, tăng cường thu hồi tái chế, tái sử dụng môi chất lạnh)
I6	Các biện pháp khác
1.10 Loại hình sản xuất kinh doanh chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS)	
Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiHinhSXKDODS	
1	Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát
2	Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát
3	Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát
4	Tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát
1.11. Danh mục loại chất được kiểm soát	
Tên bảng dữ liệu: DM_ LoaiChatKiemSoat	

Mã	Giá trị
A. Các chất làm suy giảm tầng Ô-Dôn	
1	Methyl bromide
2	HCFC-22
3	HCFC-123
4	HCFC-141
5	HCFC-142
6	HCFC-142b
7	HCFC-225
8	HCFC-225ca
B. Các chất gây hiệu ứng nhà kính	
9	HFC-134
10	HFC-134a
11	HFC-143
12	HFC-245fa
13	HFC-365mfc
14	HFC-227ea
15	HFC-236cb
16	HFC-236ea
17	HFC-236fa
18	HFC-245ca
19	HFC-43-10mee
20	HFC-32
21	HFC-125
22	HFC-143a
23	HFC-41
24	HFC-152
25	HFC-152a
26	HFC-23
27	R-401A
28	R-401B
29	R-404A
30	R-406A
31	R-407A
32	R-407C
33	R-407F
34	R-407H
35	R-408A
36	R-409A
37	R-410A
38	R-415B
39	R-417A
40	R-422A
41	R-422D
42	R-427A
43	R-438A
44	R-448A
45	R-449A
46	R-449B
47	R-450A
48	R-452A

Mã	Giá trị
49	R-452B
50	R-454A
51	R-454B
52	R-454C
53	R-466A
54	R-507A
55	R-508B
56	R-513A
57	R-513B
58	Loại khác (R-402B, R-403A, R-403B, R-409B, R-411A, R-412A, R-415A, R-416A, R-418A, R-420A, R-509A và các hợp chất HCFC khác)
59	Loại khác (R-508A và các hợp chất chứa HFC-23 có hoặc không chứa perfluorocarbon khác)
60	Loại khác (R-407B, R-419A, R-421A, R-421B, R-422B, R-422C, R-423A, R-424A, R-425A, R-426A, R-428A và các hợp chất HFC khác)
1.12. Thời kỳ đánh giá BĐKH	
Tên bảng dữ liệu: DM_ThoiKyBDKH	
1	10 năm
2	20 năm
3	30 năm
4	40 năm
5	50 năm
6	60 năm
7	100 năm
1.13 Các vùng kinh tế	
Tên bảng dữ liệu: DM_VungKinhTe	
1	Trung du và Miền núi phía Bắc
2	Đồng bằng sông Hồng
3	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung
4	Tây Nguyên
5	Đông Nam bộ
6	Đồng bằng sông Cửu Long
1.14. Nội dung về mùa	
Tên bảng dữ liệu: DM_Mua	
0	Cả năm
1	Mùa Xuân
2	Mùa Hạ
3	Mùa Thu
4	Mùa Đông
5	Mùa Mưa

Mã	Giá trị
6	Mùa Khô
1.15. Vùng khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_VungKhiHau	
0	Toàn quốc
1	Tây Bắc
2	Đông Bắc
3	Đồng bằng Bắc Bộ
4	Bắc Trung Bộ
5	Nam Trung Bộ
6	Tây nguyên
7	Nam Bộ
1.16. Kịch bản biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiKichBanBDKH	
1	Kịch bản RCP2.6
2	Kịch bản RCP4.5
3	Kịch bản RCP6.0
4	Kịch bản RCP8.5
1.17. Nội dung về giai đoạn đánh giá kịch bản biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_GiaiDoanDanhGiaKichBanBDKH	
1	Thời kỳ cơ sở 1986-2005
2	2016-2035
3	2046-2065
4	2080-2099
1.18. Khu vực ven biển và hải đảo	
Tên bảng dữ liệu: DM_KhuVucVenBienHaiDao	
0	Biển Đông
1	Móng Cái - Hòn Dấu
2	Hòn Dấu - Đèo Ngang
3	Đèo Ngang - Đèo Hải Vân
4	Đèo Hải Vân - Mũi Đại Lãnh
5	Mũi Đại Lãnh - Mũi Kê Gà
6	Mũi Kê Gà - Mũi Cà Mau
7	Mũi Cà Mau - An Giang
8	Quần đảo Hoàng Sa
9	Quần đảo Trường Sa
1.19. Mực nước biển dâng	

Mã	Giá trị
Tên bảng dữ liệu: DM_MucNuocBienDang	
0	0
1	10cm
2	20cm
3	30cm
4	40cm
5	50cm
6	60cm
7	70cm
8	80cm
9	90cm
10	100cm
1.20. Thời tiết khí hậu cực đoan	
Tên bảng dữ liệu: DM_ ThoiTietKhiHauCucDoan	
1	Bão, áp thấp nhiệt đới
2	Nước biển dâng
3	Mưa cực đoan
4	Lũ quét và sạt lở
5	Nhiệt độ cực trị
6	Hạn hán
7	Nắng nóng
8	Mưa đá
9	Sương muối
1.21. Danh mục tài liệu khác về BĐKH	
Tên bảng dữ liệu: DM_TaiLieuBDKH	
9	Hướng dẫn kỹ thuật về thích ứng biến đổi khí hậu
10	Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
11	Báo cáo thích ứng quốc gia về biến đổi khí hậu được xây dựng theo định kỳ gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
12	Báo cáo tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của bộ ngành và địa phương
14	Bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với hệ sinh thái tự nhiên
15	Bản tin dự báo khí tượng thủy văn và thời tiết; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan
16	Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết

Mã	Giá trị
	đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao
17	Báo cáo thống kê theo định kỳ về tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu.
18	Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu
19	Sáng chế, giải pháp hữu ích phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu
20	Điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu
21	Chương trình, dự án hợp tác quốc tế về thích ứng với biến đổi khí hậu
22	Báo cáo lượng tiêu thụ các chất được kiểm soát theo yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng o-zone
23	Hồ sơ đăng ký sử dụng chất được kiểm soát
24	Hồ sơ trình phê duyệt phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát
25	Báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát
26	Hồ sơ, tài liệu cấp thư xác nhận và thư phê duyệt dự án cơ chế phát triển sạch (CDM)
27	Tài liệu kịch bản biến đổi khí hậu
28	Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực
29	Báo cáo tổng hợp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia
30	Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở
31	Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở
32	Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở
33	Ảnh viễn thám
34	Biểu đồ các loại
35	Các loại bản đồ khác
36	Các loại tài liệu khác
1.22. Danh mục về siêu dữ liệu	
Tên bảng dữ liệu: DM_SieuDuLieu	
LM01	Loại dữ liệu phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính
LM02	Loại dữ liệu hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
LM03	Loại dữ liệu kịch bản biến đổi khí hậu
LM04	Loại dữ liệu kết quả đánh giá khí hậu quốc gia
LM05	Loại dữ liệu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội
LM06	Loại dữ liệu hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

Mã	Giá trị
LM07	Loại dữ liệu bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn
LM08	Loại dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và quy trình chuyên môn, định mức kinh tế - kỹ thuật về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM09	Loại dữ liệu nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM10	Loại dữ liệu nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM11	Loại dữ liệu hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM12	Loại dữ liệu phi cấu trúc
LM13	Loại dữ liệu khác
KM01	Kiểu dữ liệu không gian BĐKH
KM02	Kiểu dữ liệu thuộc tính BĐKH
KM03	Kiểu dữ liệu phi cấu trúc BĐKH
KM04	Kiểu dữ liệu mô tả
DV01	Đơn vị xây dựng siêu dữ liệu
DV02	Đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu
DV03	Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu
DV04	Đơn vị giám sát xây dựng cơ sở dữ liệu
DV05	Đơn vị lưu trữ cơ sở dữ liệu
DV06	Đơn vị trao đổi, chia sẻ dữ liệu
DV07	Đơn vị vận hành cơ sở dữ liệu
DV08	Đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu

2. Dữ liệu không gian

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
2.1. Dữ liệu không gian về tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu đối với tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái và điều kiện sống					
Tên lớp dữ liệu: BDPhanVungMucDoTacDongTaiNguyenMoiTruongHeSinhThaiDieuKienSong Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	vungTacDongID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên môi trường, hệ sinh thái
Thời gian đánh giá	giaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái
Phạm vi đánh giá tác động	phamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	vungKT	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu đến bảng danh mục "Các vùng kinh tế"
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	capTinh	Số nguyên	Integer	2	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	capXa	Số nguyên	Integer	5	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Loại Tài nguyên	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng danh mục "Phân loại tài nguyên"
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	thoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	String		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Mức độ tác động	Chi tiết tại dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.2 Dữ liệu không gian về tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu đối với kinh tế - xã hội					
Tên lớp dữ liệu: BDPhanVungMucDoTacDongKinhTeXaHoi Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	vungTacDongID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực kinh tế - xã hội
Thời gian đánh giá	giaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực kinh tế - xã hội
Phạm vi đánh giá tác động	phamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	vungKT	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu đến bảng danh mục "Các vùng kinh tế"
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	capTinh	Số nguyên	Integer	2	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính	capXa	Số nguyên	Integer	5	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
cấp Xã					Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Phân loại các lĩnh vực kinh tế - xã hội	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng "Danh mục tác động kinh tế xã hội"
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	thoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	String		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực kinh tế - xã hội
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3. Dữ liệu không gian về sự biến đổi của yếu tố khí hậu trong quá khứ và tương lai					
2.3.1. Lớp dữ liệu bản đồ Tỉnh					
Tên lớp dữ liệu: VungTinh Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	VungTinhID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã tỉnh	maTinh	Số nguyên	Integer		Mã tỉnh
Tên tỉnh	tenTinh	Chuỗi ký tự	String	255	Tên tỉnh
Liên kết dữ liệu	URL				Liên kết đến dữ liệu yếu tố khí hậu quá khứ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng	GM_		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
		vùng	Polygon		
2.3.2. Lớp dữ liệu bản đồ Vùng khí hậu					
Tên lớp dữ liệu: VungKhiHau Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	VungKhiHauID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Số nguyên	Integer		Mã vùng
Tên vùng	vungKhiHau	Chuỗi ký tự	String	255	Tên vùng
Liên kết dữ liệu	URL				Liên kết đến dữ liệu yếu tố khí hậu quá khứ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.3 Lớp dữ liệu bản đồ Xu thế biến đổi mực nước biển					
Tên lớp dữ liệu: BDXuTheBienDoiMucNuocBien Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDXuTheBienDoiMucNuocBienID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Biến đổi mực nước biển	mucThayDoi	Số nguyên	Integer		Mức thay đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Chuỗi ký tự	String		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.4 Lớp dữ liệu bản đồ Xu thế biến đổi độ cao sóng biển					
Tên lớp dữ liệu: BDXuTheBienDoiDoCaoSongBien Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDXuTheBienDoiDoCaoSongBienID	Chuỗi ký tự	String	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Biến đổi độ cao sóng biển	mucThayDoi	Số thực	Real		Biến đổi độ cao sóng biển

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.5 Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ trung bình					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiNhietDoTBNam Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiNhietDoTBNam ID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Số thực	Real	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mùa	mua	Số thực	Real		Mùa
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.6. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ tối cao					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiNhietDoMAX Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiNhietDoMAXID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
2.3.7 Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ tối thấp					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiNhietDoMIN Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiNhietDoMINID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.8. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiLuongMua Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiLuongMuaID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mùa	mua	Chuỗi ký tự			Tham chiếu đến bảng dữ liệu DM_Mua
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng	GM_		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
		vùng	Polygon		
2.3.9. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa một ngày lớn nhất					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiLuongMua1NgayMAX Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiLuongMua1NgayMAXID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.10. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa năm ngày lớn nhất					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiLuongMua5NgayMAX Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiLuongMua5NgayMAXID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.11. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày rét đậm					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiSoNgayRetDam					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiSoNgayRetDamID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.12. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày rét hại					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiSoNgayRetHai Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiSoNgayRetHaiID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.13. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày nắng nóng					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiSoNgayNangNong Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiSoNgayNan	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
	gNongID				liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.14. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày sương muối					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiSoNgaySuongMuoi Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiSoNgaySuongMuoiID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.15. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày hạn hán					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiSoNgayHanHan Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiSoNgayHanHan ID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.16. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi bão và áp thấp nhiệt đới					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiBaoVaApThap Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiBaoVaApThapID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.17. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi gió mùa hè					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBienDoiGioMuaHe Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBBienDoiGioMuaHeID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	maVung	Chuỗi ký tự	String	4	Mã vùng
Kịch bản	kichBan	Chuỗi ký tự	String		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	giaiDoan	Số thực	Real		Giai đoạn đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Mức biến đổi	mucThayDoi	Số thực	Real		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	khoangBienDoi	Chuỗi ký tự	String		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.18. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nước biển dâng toàn Biển Đông					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNuocBienDangBienDong Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBNuocBienDangBienDongID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mực nước biển dâng	mucNuocBienDang	Số thực	Real		Mức nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.19. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nước biển dâng khu vực ven biển và hải đảo					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNuocBienDangVenBien Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBNuocBienDangVenBienID	Chuỗi ký tự	String	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mực nước biển dâng	mucNuocBienDang	Số thực	Real		Mức nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.20. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản độ cao sóng biển					
Tên lớp dữ liệu: BDKBDoCaoSongBien Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	BDKBDoCaoSongBienID	Chuỗi ký tự	String	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Độ cao sóng biển	doCaoSongBien	Số thực	Real		Độ cao sóng biển
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng	GM_		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
		vùng	Polygon		
2.3.21. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nguy cơ ngập lụt ứng tới mực bước biển dâng					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNguyCoNgapDoNuocBienDang					
Mã đối tượng	BDKBNguyCoNgapDoNuocBienDangID	Chuỗi ký tự	String	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã tỉnh	maTinh	Số nguyên	Integer		Mã tỉnh
Mực nước biển dâng	mucNuocBienDang	Số thực	Real		Mực nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.4. Dữ liệu không gian về các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính					
Tên lớp dữ liệu: DiemPhatThaiKNK Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)					
Mã đối tượng	vungTacDongID	Chuỗi ký tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã cơ sở	maCoSo	Chuỗi ký tự	String	4	Mã cơ sở
Mã điểm PT	maDiemPT	Chuỗi ký tự	String	4	Mã địa điểm phát thải khí nhà kính
Tên điểm PT	tenDiemPT	Chuỗi ký tự	String	255	Tên địa điểm phát thải khí nhà kính
Địa chỉ	diaChi	Chuỗi ký tự	String	255	Địa chỉ của cơ sở phát thải khí nhà kính
Thông tin chi tiết	thongTinChiTiet	Chuỗi ký tự	String		Thông tin chi tiết
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

3. Dữ liệu thuộc tính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.1. Dữ liệu thuộc tính về tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội					
3.1.1. Dữ liệu thuộc tính về tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu					
3.1.1.1. Dữ liệu thuộc tính về tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu đối với các loại tài nguyên, hệ sinh thái, điều kiện sống					
Tên bảng dữ liệu: KQDanhGiaTacDongTND					
Mã đối tượng	kQDanhGiaTacDongTNDID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	noiDungDanhGiaTacDong	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến bảng Danh mục "Nội dung đánh giá tác động của BĐKH"
Khu vực đánh giá tác động	vungTacDongTNDID	Chuỗi kí tự	String		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái
Loại Tài nguyên	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng danh mục "Phân loại tài nguyên"
Kết quả đánh giá tác động	kQDanhGiaTacDongTND	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậuđối với tài nguyên , môi trường, hệ sinh thái
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.1.1.2. Dữ liệu thuộc tính về tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu đối với hoạt động kinh tế - xã hội					
Tên bảng dữ liệu: KQDanhGiaTacDongNongNghiep					
Mã đối tượng	kQDanhGiaTacDongNN ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	noiDungDanhGiaTacDong	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến bảng danh mục "Nội dung đánh giá tác động của BĐKH"

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Khu vực đánh giá tác động	vungTacDongNongNghiepID	Chuỗi kí tự	String		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đối với kinh tế -xã hội
Phân loại các lĩnh vực kinh tế - xã hội	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng "Danh mục tác động kinh tế xã hội"
Kết quả đánh giá tác động	tacDongNongNghiep	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đối với kinh tế - xã hội
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.1.2. Dữ liệu thuộc tính về tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu					
3.1.2.1. Dữ liệu thuộc tính về tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với tài nguyên, hệ sinh thái, điều kiện sống					
Tên bảng dữ liệu: TTBĐKH_TaiNguyen					
Mã đối tượng	tonThatTaiNguyenID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến tài nguyên
Thời gian đánh giá	giaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	50	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến tài nguyên
Phạm vi đánh giá	phamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	255	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Loại Tài nguyên	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng danh mục "Phân loại tài nguyên"
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	thoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	String	255	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
Loại tổn thất và thiệt hại	thongTinTonThatThietHai	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với tài nguyên
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					đồ, biểu đồ đính kèm)
3.1.2.2. Dữ liệu thuộc tính về tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với kinh tế - xã hội					
Tên bảng dữ liệu: TTBĐKH_KTXH					
Mã đối tượng	tonThatKTXHID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Thời gian đánh giá	giaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	50	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Phạm vi đánh giá	phamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	String	255	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Phân loại các lĩnh vực kinh tế - xã hội	phanLoaiTaiNguyen	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu đến bảng "Danh mục tác động kinh tế xã hội"
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	thoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	String	255	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
Loại tổn thất và thiệt hại	thongTinTonThatThietHai	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.2. Dữ liệu thuộc tính về phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính					
3.2.1. Dữ liệu thuộc tính về kết quả kiểm kê khí nhà kính quốc gia					
Tên bảng dữ liệu: KQKiemKeKNKQuocGia					
Năm công bố	namCongBo	Chuỗi ký tự	String	4	Năm hoàn thành kiểm kê và công bố báo cáo kết quả kiểm kê
Năm được kiểm kê	namKiemKe	Chuỗi ký tự	String	4	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
KNK được kiểm kê	KNKDuocKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Khí nhà kính được kiểm kê
Tổng phát thải/hấp thụ KNK của quốc gia	tongPhatThaiKNKQuocGia	Số thực	Real		Tổng phát thải/hấp thụ KNK của quốc gia. Đơn vị tính tấn CO2tđ;
3.2.2. Dữ liệu thuộc tính về kết quả kiểm kê khí nhà kính theo lĩnh vực					
Tên bảng dữ liệu: KQKiemKeKNKTheoLinhVuc					
Năm được kiểm kê	namKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	4	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
Bộ quản lý lĩnh vực	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Bộ quản lý
Lĩnh vực	linhVucKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính
KNK được kiểm kê	KNKDuocKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Khí nhà kính được kiểm kê
Tiểu lĩnh vực được kiểm kê	TieuLinhVucKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Tiểu lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính
Kết quả kiểm kê KNK của tiểu lĩnh vực	phatThaiKNKTieuLinhVuc	Số thực	Real		Đơn vị tính: tấn CO2tđ
Tổng phát thải/hấp thụ KNK của linh vực	tongPhatThaiKNKTieuLinhVuc	Số thực	Real		Đơn vị tính: tấn CO2tđ (Trường hợp hấp thụ thì giá trị âm "-").
Phương pháp kiểm kê	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Số liệu hoạt động	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Hệ số phát thải và các thông số khác	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
3.2.3. Dữ liệu thuộc tính về cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: CoSoPhaiKiemKeKNK					
Mã cơ sở	maCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	4	Mã cơ sở, liên kết với CSDL định danh tổ chức
Tên cơ sở	tenCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	4	Tên cơ sở
Địa chỉ	diaChiCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Mã văn bản
Năm ban hành quyết định	namKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	4	Năm ban hành quyết định về danh mục cơ sở phải kiểm kê
Ngành nghề kinh doanh	nganhNgheKinhDoanh	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NganhNgheKinhDoanh
Bộ quản lý	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Bộ quản lý
Mức tiêu thụ năng lượng	mucTieuThuNangLuong	Số thực	Real		Đơn vị tính theo TOE
Khối lượng chất thải xử lý hàng năm	chatThaiXuLyHangNam	Số thực	Real		Chỉ kê khai đối với cơ sở xử lý chất thải. Đơn vị theo tấn chất thải
3.2.4. Dữ liệu thuộc tính về kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính					
Tên bảng dữ liệu: KQKiemKeKNKCoSo					
Tên cơ sở	tenCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	
Địa chỉ của cơ sở	diaChiCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	
Giấy phép hoạt động	giayPhepHoatDong	Chuỗi ký tự	String	4	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở
Người đại diện của cơ sở	nguoiDaiDien	Chuỗi ký tự	String	4	Tên người đại diện của cơ sở
Năm nộp báo cáo	namNopBaoCao	Chuỗi ký tự	String	4	Năm báo cáo được nộp cho cơ quan quản lý
Năm được kiểm kê	namKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	4	Năm lấy số liệu kiểm kê
Ngành nghề kinh doanh	nganhNgheKinhDoanh	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NganhNgheKinhDoanh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Bộ quản lý	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	moTaCSHTCongngheSX	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
Các nguồn phát thải	nguonPhatThai	Chuỗi ký tự	String	2550	Liệt kê nguồn phát thải KNK trong phạm vi hoạt động của cơ sở
Các nguồn hấp thụ	nguonHapThu	Chuỗi ký tự	String	2550	Liệt kê nguồn hấp thụ, nếu có
KNK được kiểm kê	KNKDuocKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Khí nhà kính được kiểm kê
Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở	kQKiemKeCoSo	Số thực	Real		Tổng lượng phát thải của cơ sở. Đơn vị tính: tấn CO_2tđ
Phương pháp kiểm kê KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
3.3. Dữ liệu thuộc tính về hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính					
3.3.1. Dữ liệu thuộc tính về kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các bộ, ngành					
Tên bảng dữ liệu: KHGiamPhatThaiCuaBoNganh					
Bộ thực hiện	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Lĩnh vực	linhVucKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính
Giai đoạn của kế hoạch	giaiDoanThucHien	Chuỗi ký tự	String	4	Ví dụ đến năm 2030
Năm kế hoạch	namKeHoach	Chuỗi ký tự	String	4	Năm kế hoạch
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, không điều kiện, cho cả giai đoạn	mucTieuGiamChungKhongDK	Số thực	Real		Mục tiêu không điều kiện Tấn CO_2tđ/giai đoạn
Mục tiêu giảm nhẹ	mucTieuGiamTungNamKhong	Số thực	Real		Mục tiêu không điều kiện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
phát thải của lĩnh vực, không điều kiện, cho từng năm	DK				Tấn CO_2tđ/năm
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, có hỗ trợ thêm của quốc tế, cho cả giai đoạn	mucTieuGiamChungCoHoTroCuaQT	Số thực	Real		Mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO_2tđ/giai đoạn
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, có hỗ trợ thêm của quốc tế, cho từng năm	mucTieuGiamTungNamCoHoTroCuaQT	Số thực	Real		Mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO_2tđ/năm
Đường phá thải cơ sở của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả phương pháp xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU)	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả tiềm năng giảm phát thải KNK của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả biện pháp, hoạt động giảm phát thải của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
giảm phát thải của lĩnh vực					
Mô tả kế hoạch, nguồn lực, lộ trình thực hiện các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá việc triển khai kế hoạch	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả cách thức tổ chức, thực hiện kế hoạch	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
Kế hoạch giảm phát thải KNK của Bộ	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn tệp tin liên quan
3.3.2. Dữ liệu thuộc tính về kế hoạch thực hiện biện pháp trong mỗi lĩnh vực					
Tên bảng dữ liệu: KHGiamPhatThaiCuaCacBienPhap					
Bộ thực hiện	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Lĩnh vực	linhVucKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính
Giai đoạn của kế hoạch	giaiDoanThucHien	Chuỗi ký tự	String	4	Ví dụ đến năm 2030
Năm kế hoạch	namKeHoach	Chuỗi ký tự	String	4	Năm kế hoạch
Biện pháp giảm phát thải trong lĩnh	cacBienPhapGiamNhe	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_CacBienPhapGiamNhe

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
vực					
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo giai đoạn, không điều kiện,	kHTheoGDKhongDK	Số thực	Real		Thực hiện mục tiêu không điều kiện Tấn CO_2tđ/giai đoạn
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo giai đoạn, có hỗ trợ thêm của quốc tế	kHTheoGDCoHoTroQT	Số thực	Real		Thực hiện mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO_2tđ/giai đoạn
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo từng năm, không điều kiện,	kHTheoNamKhongDK	Số thực	Real		Thực hiện mục tiêu không điều kiện Tấn CO_2tđ/năm
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo từng năm, có hỗ trợ thêm của quốc tế	kHTheoNamCoHoTroQT	Số thực	Real		Thực hiện mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO_2tđ/năm
3.3.3. Dữ liệu thuộc tính về kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở					
Tên bảng dữ liệu: KHGiamPhatThaiCoSo					
Tên cơ sở	tenCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	255	
Địa chỉ của cơ sở	diaChiCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	
Giấy phép hoạt động	giayPhepHoatDong	Chuỗi ký tự	String	225	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở
Người đại diện của	nguoiDaiDien	Chuỗi ký tự	String	225	Tên người đại diện của cơ sở

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
cơ sở					
Năm nộp báo cáo	namNopBaoCao	Chuỗi ký tự	String	4	Năm báo cáo được nộp cho cơ quan quản lý
Ngành nghề kinh doanh	nganhNgheKinhDoanh	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NganhNgheKinhDoanh
Bộ quản lý	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở	kQKiemKeCoSo	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/năm
Mức phát thải cơ sở dự kiến	mucPhatThaiDuKien	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/năm
Mục tiêu giảm phát thải	mucTieuGiamPhatThai	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/năm
Đường dẫn tệp tin Kế hoạch giảm phát thải KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	String	255	Đường dẫn tệp tin liên quan
3.3.4. Dữ liệu thuộc tính về tổ chức đo đạc phát thải khí nhà kính					
Tên bảng dữ liệu: ToChucDoDacPhatThaiKNK					
Mã tổ chức	maToChuc	Chuỗi ký tự	String	4	Mã tổ chức, liên kết với CSDL định danh tổ chức
Tên tổ chức	TenToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	diaChiToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Địa chỉ của tổ chức
3.3.5. Dữ liệu thuộc tính về tổ chức báo cáo kết quả đo đạc phát thải khí nhà kính					
Tên bảng dữ liệu: ToChucBaoCaoKQPhatThaiKNK					
Mã tổ chức	maToChuc	Chuỗi ký tự	String	4	Mã tổ chức, liên kết với CSDL định danh tổ chức
Tên tổ chức	TenToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	diaChiToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Địa chỉ của tổ chức
3.3.6. Dữ liệu thuộc tính về tổ chức thẩm định báo cáo kết quả đo đạc phát thải khí nhà kính					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: ToChucThamDinhBaoCaoKQPhatThaiKNK					
Mã tổ chức	maToChuc	Chuỗi ký tự	String	4	Mã tổ chức, liên kết với CSDL định danh tổ chức
Tên tổ chức	TenToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	diaChiToChuc	Chuỗi ký tự	String	255	Địa chỉ của tổ chức
3.3.7. Dữ liệu thuộc tính về kết quả giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực					
Tên bảng dữ liệu: KetQuaGiamPhatThaiKNKTheoLinhVuc					
Giai đoạn thực hiện	giaiDoanThucHien	Chuỗi ký tự	String	4	Tham chiếu đến bảng dữ liệu Giai đoạn thực hiện
Năm kế hoạch	namKeHoach	Chuỗi ký tự	String	4	Năm kế hoạch
Bộ thực hiện	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Lĩnh vực thực hiện mục tiêu	linhVucKiemKeKNK	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải chung của lĩnh vực	mucTieuGiamPhatThaiLinhVuc	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/giai đoạn
Biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải	cacBienPhapGiamNhe	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_CacBienPhapGiamNhe
Phạm vi thực hiện	phamVi	Chuỗi ký tự	String	255	Phạm vi thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải
Thời gian thực hiện	thoiGian	Chuỗi ký tự	String	4	Năm thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải
Điểm tham chiếu	diemThamChieu	Chuỗi ký tự	String	255	Năm cơ sở, đường phát thải cơ sở
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK của biện pháp	mucTieuCuaBienPhap	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/năm
Phương pháp đo đạc	phuongPhapDoDac	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả tóm tắt phương pháp đo đạc
Các chỉ số đo đạc	chiSoDoDac	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả tóm tắt các chỉ số đo đạc
Tổ chức đo đạc	toChucDoDac	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới dữ liệu: ToChucDoDacPhatThaiKNK

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tổ chức báo cáo kết quả đo đạc	toChucBaoCao	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới dữ liệu: ToChucBaoCaoKQPhatThaiKNK
Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả đo đạc	toChucThamDinh	Chuỗi ký tự	String	255	Tham chiếu tới dữ liệu: ToChucThamDinhBaoCaoKQPhatThaiKNK
Quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định	quyTrinhThucHien	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả tóm tắt quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định
Kết quả giảm nhẹ định lượng của biện pháp	kQGiamNheCuaBienPhap	Số thực	Real		Tấn CO_2tđ/năm
So sánh với kết quả giảm nhẹ của năm gần nhất	soSanhKQNamGanNhat	Số thực	Real		So sánh kết quả giảm phát thải với năm thực hiện gần nhất
Tổng kết quả giảm nhẹ của lĩnh vực	tongKQGiamNheTheoLinhVuc	Số thực	Real		Tổng cộng kết quả giảm phát thải của các biện pháp trong lĩnh vực
Hoạt động giám sát, đánh giá	hoatDongGiamSatDanhGia	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả tóm tắt hoạt động giám sát, đánh giá
Khó khăn, kiến nghị, đề xuất	kienNghi	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả tóm tắt khó khăn khi thực hiện và nêu kiến nghị, đề xuất
3.3.8. Dữ liệu thuộc tính về kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở					
Tên bảng dữ liệu: KQGiamPhatThaiCoSo					
Mã cơ sở	maCoSo	Chuỗi ký tự	String	4	Mã cơ sở, liên kết với CSDL định danh tổ chức
Tên cơ sở	tenCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Tên cơ sở
Địa chỉ của cơ sở	diaChiCoSoPhaiKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Địa chỉ của cơ sở
Giấy phép hoạt động	giayPhepHoatDong	Chuỗi ký tự	String	4	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở
Người đại diện của cơ sở	nguoiDaiDien	Chuỗi ký tự	String	4	Tên người đại diện của cơ sở

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Ngành nghề kinh doanh	nganhNgheKinhDoanh	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NganhNgheKinhDoanh
Bộ quản lý	boQuanLy	Chuỗi ký tự	String	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_ BoQuanLy
Ranh giới hoạt động	phamViHoatDong	Chuỗi ký tự	String	255	Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở
Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	moTaCSHTCongngheSX	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
Các nguồn phát thải	nguonPhatThai	Chuỗi ký tự	String	255	Liệt kê nguồn phát thải KNK trong phạm vi hoạt động của cơ sở
Các nguồn hấp thụ	nguonHapThu	Chuỗi ký tự	String	255	Liệt kê nguồn hấp thụ, nếu có
KNK được kiểm kê	KNKDuocKiemKe	Chuỗi ký tự	String	225	Tham chiếu tới bảng Danh mục dữ liệu Khí nhà kính được kiểm kê
Mức phát thải dự kiến	mucPhatThaiDuKien	Số thực	Real		Mức phát thải dự kiến của cơ sở khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải
Biện pháp giảm nhẹ phát thải đã áp dụng	cacBienPhapGiamNhe	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các biện pháp giảm nhẹ phát thải đã áp dụng tại cơ sở, tham chiếu tới bảng danh mục: DM_CacBienPhapGiamNhe
Năm thực hiện giảm nhẹ	namThucHien	Chuỗi ký tự	String	4	Năm thực hiện biện pháp giảm phát thải tại cơ sở
Phương pháp tính mức giảm phát thải	phuongPhapTinh	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả phương pháp thực hiện giảm phát thải
Phương pháp thu thập số liệu	phuongPhapThuThapSoLieu	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả phương pháp thu thập số liệu
Kết quả thu thập số liệu hoạt động	kQThuThapSoLieuHoatDong	Chuỗi ký tự	String	2550	Liệt kê kết quả thu thập số liệu hoạt động
Kết quả giảm nhẹ phát thải KNK	kQGiamNhePhatThaiCoSo	Số thực	Real		Kết quả giảm phát thải của cơ sở (Tấn CO_2tđ/năm)
Độ tin cậy, mức độ	doTinCayKQ	Chuỗi ký tự	String	2550	Mô tả độ tin cậy, độ không chắc chắn của kết quả

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
không chắc chắn của kết quả giảm nhẹ					
Đường dẫn tệp tin Báo cáo kết quả giảm phát thải KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	String	255	Đường dẫn tệp tin Báo cáo kết quả giảm phát thải KNK của cơ sở
3.3.9. Dữ liệu thuộc tính về chương trình, dự án trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon					
Tên bảng dữ liệu: DuAnTraoDoiBuTruTinChiCacBon					
Mã chương trình, dự án	maDuAn	Chuỗi ký tự	String	4	Mã chương trình dự án trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon
Tên chủ dự án	tenChuDuAn	Chuỗi ký tự	String	225	Tên chủ dự án được đăng ký chính thức
Địa chỉ	diaChi	Chuỗi ký tự	String	225	Địa chỉ của chủ dự án
Tên dự án	tenDuAn	Chuỗi ký tự	String	225	Tên chương trình dự án thực hiện
Tên cơ chế đăng ký	coCheDangKyTinChi	Chuỗi ký tự	String	225	Tên cơ chế đăng ký tín chỉ các-bon
Lĩnh vực hoạt động	linhVucHoatDong	Chuỗi ký tự	String	225	Lĩnh vực thực hiện của chương trình, dự án
Phương pháp tạo tín chỉ các-bon	phuongPhapTaoTinChi	Chuỗi ký tự	String	225	Mô tả tóm tắt phương pháp tạo tín chỉ các-bon của chương trình, dự án
Thời điểm dự án được công nhận	namCongNhan	Chuỗi ký tự	String	4	Năm chương trình, dự án được công nhận theo cơ chế nói trên
Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án	giaiDoanNhanTinChi	Chuỗi ký tự	String	225	từ tháng .../năm... đến tháng.../năm...;
Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp	tongLuongTinChiDuKien	Số thực	Real		Tổng lượng tín chỉ dự kiến được cấp
Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp giai đoạn 1	tongLuongTinChiCapGD1	Số thực	Real		Tổng lượng tín chỉ đã được cấp cho giai đoạn 1

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp giai đoạn 2	tongLuongTinChiCapGD2	Số thực	Real		Tổng lượng tín chỉ đã được cấp cho giai đoạn 2
Tổng lượng tín chỉ đã trao đổi, bù trừ	tongLuongTinChiDaTraoDoi	Số thực	Real		Tổng lượng tín chỉ đã thực hiện trao đổi, bù trừ
3.4. Dữ liệu thuộc tính về hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu					
3.4.1. Dữ liệu thuộc tính về giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu					
3.4.1.1. Dữ liệu thuộc tính về giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia					
Tên bảng dữ liệu: GSHoatDongThichUngCapQG					
Mã đối tượng	gSThichUngCapQG ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia
Năm thực hiện đánh giá	thoiDiemDanhGia	Chuỗi ký tự	String	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022, có thông tin dữ liệu về: - Kết quả dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn; dự báo khí hậu; xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước đồng bộ với CSDL KTTV quốc gia, - Trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước (nước mặt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					và nước dưới đất) được xây dựng và vận hành; công trình trữ nước trong điều kiện khan hiếm nước, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng do biến đổi khí hậu được triển; Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh đồng bộ với CSDL Tài nguyên nước quốc gia - Chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao; kết quả xây dựng, nâng cấp, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai; hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập đồng bộ với CSDL về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai. - Kết quả bảo vệ, trồng mới và phục hồi rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn cho mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ cao ứng dụng trong dự báo phòng, chống cháy rừng đồng bộ với CSDL về lâm nghiệp.
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.1.2. Dữ liệu thuộc tính về giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các bộ, ngành					
Tên bảng dữ liệu: GSHoatDongThichUngBoNganh					
Mã đối tượng	gSThichUngCapBoID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp Bộ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Năm thực hiện đánh giá	thoiDiemDanhGia	Chuỗi ký tự	String	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.1.3. Dữ liệu thuộc tính về giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương					
Tên bảng dữ liệu: GSHoatDongThichUngDP					
Mã đối tượng	gSThichUngDPID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương
Năm thực hiện đánh giá	thoiDiemDanhGia	Chuỗi ký tự	String	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.1.3.1. Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.4.1.3.1.1. Dữ liệu về tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực					
3.4.1.3.1.1.1. Dữ liệu về giống cây trồng mới thích ứng biến đổi khí hậu được chọn tạo và áp dụng					
Tên bảng dữ liệu: DMGiongCayTrong					
Mã đối tượng	giongCayTrongID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên giống cây trồng	tenGiongCay	Chuỗi ký tự	String	100	Tên giống cây trồng
Quy mô áp dụng (diện tích cây trồng tính bằng ha)	quyMo	Số thực	Real		Quy mô áp dụng (diện tích cây trồng tính bằng ha)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.2. Dữ liệu về giống vật nuôi mới thích ứng biến đổi khí hậu được chọn tạo và áp dụng					
Tên bảng dữ liệu: DMGiongVatNuoiMoi					
Mã đối tượng	giongVatNuoiID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên giống vật nuôi mới	tenGiongVatNuoi	Chuỗi ký tự	String	100	Tên giống vật nuôi mới
Quy mô áp dụng (vật nuôi tính bằng số lượng con)	quyMo	Số thực	Real		Quy mô áp dụng (vật nuôi tính bằng số lượng con)
Thuộc lĩnh vực	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
giám sát đánh giá					động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.3. Dữ liệu về mô hình sản xuất, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DMMoHinhSX					
Mã đối tượng	moHinhSXID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	tenMoHinh	Chuỗi ký tự	String	100	Tên mô hình
Địa điểm áp dụng	diaDiemApDung	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm áp dụng
Quy mô áp dụng	quyMo	Số thực	Real		Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.4. Dữ liệu về công nghệ, giải pháp hữu ích trong sản xuất, canh tác được ứng dụng					
Tên bảng dữ liệu: DMCongNgheSX					
Mã đối tượng	congNgheSXID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công nghệ, giải pháp	moTaCongNghe	Chuỗi ký tự	String	100	Tên công nghệ, giải pháp
Địa điểm áp dụng	diaDiemApDung	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm áp dụng
Quy mô áp dụng	quyMo	Số thực	Real		Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					đổi khí hậu”
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.5. Dữ liệu về kết quả bảo vệ, trồng mới và phục hồi rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn cho mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQBAOVERUNG					
Mã đối tượng	BaoVeRungID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Hạng mục	HangMucThucHien	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả hạng mục đã thực hiện
Kết quả (ha)	KQThucHien	Số thực	REAL	10	Kết quả (ha)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.1.6. Dữ liệu về công nghệ cao ứng dụng trong dự báo phòng, chống cháy rừng					
Tên bảng dữ liệu: CNPCCCRUNG					
Mã đối tượng	CNPCCCRung ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công nghệ	MoTaCongNghe	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Mô tả công nghệ
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.1.7. Dữ liệu về xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro biến đổi khí hậu với hệ sinh thái tự nhiên					
Tên bảng dữ liệu: XDBanDoPhanVungRuiRo					
Mã đối tượng	XDBDPhanVungRuiRoID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản đồ xây dựng	tenToBD_PhienHieuManh	Chuỗi ký tự	String	100	Tên bản đồ, phiên hiệu mảnh bản đồ đã xây dựng
Quy mô áp dụng	quyMo	Số thực	Real		Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các bản đồ, tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.8. Dữ liệu về các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập mới					
Tên bảng dữ liệu: DMKhuBaoTonMoi					
Mã đối tượng	DMKhuBaoTonMoiID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu	tenKhuBaoTon	Chuỗi ký tự	String	100	Tên các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập mới
Diện tích (ha)	dienTich	Số thực	Real		Diện tích (ha)
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.9. Dữ liệu về mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DMMoHinhKhuBaoTon					
Mã đối tượng	DMMoHinhKhuBaoTonID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	tenMoHinh	Chuỗi ký tự	String	100	Tên các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu
Diện tích áp dụng (ha)	dienTich	Số thực	Real		Diện tích (ha)
Địa điểm thực hiện	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.10. Dữ liệu về kết quả khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái					
Tên bảng dữ liệu: KQKhoiPhucHST					
Mã đối tượng	KQKhoiPhucHSTID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên các hệ sinh thái khôi phục	tenHeSinhThai	Chuỗi ký tự	String	100	Tên các hệ sinh thái khôi phục
Diện tích (ha)	dienTich	Số thực	Real		Diện tích (ha)
Tỷ lệ được khôi phục so với tổng mức độ bị suy thoái (%)	tyLeKhoiPhuc	Số thực	Real		Tỷ lệ được khôi phục so với tổng mức độ bị suy thoái (%)
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.11. Dữ liệu về mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: MoHinhThichUngBDKH					
Mã đối tượng	moHinhThichUngBDKH ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	tenMoHinh	Chuỗi ký tự	String	100	Tên mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai
Diện tích (ha)	dienTich	Số thực	Real		Diện tích (ha)
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.12. Dữ liệu về các mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: MHKTNUOCTK					
Mã đối tượng	MHKTNuocTK ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	TenMoHinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Quy mô áp dụng (ha)	QuyMo	Số thực	REAL	10	Quy mô áp dụng (ha)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					đổi
3.4.1.3.1.1.13. Dữ liệu về công trình trữ nước trong điều kiện khan hiếm nước, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng do biến đổi khí hậu được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: CONGTRINHCHUANUOC					
Mã đối tượng	CongTrinhChuaNuocID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên công trình
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Quy mô áp dụng (m3)	QuyMo	Số thực	REAL	10	Quy mô áp dụng (m3)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.1.14. Dữ liệu về trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) được xây dựng và vận hành					
Tên bảng dữ liệu: TRAMQUANTRACTNN					
Mã đối tượng	TramQuanTracTNNID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên trạm quan trắc	TenTram	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên trạm quan trắc
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Địa điểm
Yếu tố quan trắc	YeuToQuanTrac	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Yếu tố quan trắc
Tổng mức đầu tư (tr. đồng)	TongMucDauTu	Số thực	REAL	10	Tổng mức đầu tư (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.4.1.3.1.1.15. Dữ liệu về Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh					
Tên bảng dữ liệu: QTVHLIENHO					
Mã đối tượng	QTVHLienHoID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên quy trình ban hành	TenQuyTrinh	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh, ban hành
Tên lưu vực sông	LuuVucSong	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên lưu vực sông
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.1.16. Dữ liệu về công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: CTDAGTVT					
Mã đối tượng	CTDAGTVTID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình/dự án	tenDuAn	Chuỗi ký tự	String	255	Tên công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp
Loại công trình xây dựng	loaiCT	Số nguyên	Integer	1	1: Xây dựng mới 2: Cải tạo 3: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real	10	Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.17. Dữ liệu về khối lượng đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: ThongKeDuongGT					
Mã đối tượng	duongGTID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên (ký hiệu) đường giao thông	tenDuong	Chuỗi ký tự	String	255	Tên đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp
Chiều dài	chieuDai	Số thực	Real		Chiều dài xây dựng, cải tạo và nâng cấp (Km)
Loại công trình xây dựng	loaiCT	Số nguyên	Integer	1	1: Xây dựng mới 2: Cải tạo 3: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.18. Dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở đô thị được xây dựng, nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: HTKTChongNgapDoThi					
Mã đối tượng	HTKTChongNgapDoThiID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	tenCT	Chuỗi ký tự	String	255	Tên công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở đô thị được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm xây dựng	diaDiem	Số thực	Real	10	Chiều dài xây dựng, cải tạo và nâng cấp (Km)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Loại công trình xây dựng	loaiCT	Số nguyên	Integer	1	1: Xây dựng mới 2: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real	10	Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.19. Dữ liệu về kết quả xây dựng, nâng cấp cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh tại các vùng chịu nhiều rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: CSYTThichUngBDKH					
Mã đối tượng	CSYTThichUngBDKHID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh	tenCS	Chuỗi kí tự	String	100	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh
Địa điểm xây dựng	diaDiem	Chuỗi kí tự	String	255	Địa điểm xây dựng
Loại công trình xây dựng	loaiCT	Số nguyên	Integer	1	1: Xây dựng mới 2: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.20. Dữ liệu về số lượng cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: TTBYTThichUngBDKH					
Mã đối tượng	TTBYTThichUngBDKHID	Chuỗi kí tự	String	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh	tenCSYT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi kí tự	String	255	Địa điểm
Kinh phí đầu tư	kinhPhi	Số thực	Real	10	Kinh phí đầu tư (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.21. Dữ liệu về kết quả dự báo, cảnh báo dịch bệnh, các nguy cơ sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan					
Tên bảng dữ liệu: CanhBaoDichBenhLienQuanBDKH					
Mã đối tượng	CanhBaoDichBenhLienQuanBDKH ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản tin phát hành	tenBanTinCanhBao	Chuỗi kí tự	String	100	Tên bản tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh, các nguy cơ sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan
Số lượng (bản tin)	soBanTin	Số nguyên	Integer		Số lượng bản tin
Ngày phát hành	ngayPhatHanh	Thời gian	Date		Ngày phát hành
Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)	phamVi	Chuỗi kí tự	String	100	Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, bản tin, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.22. Dữ liệu về kết quả thực hiện đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DaoTaoSinhKeThichUngBDKH					
Mã đối tượng	DaoTaoSinhKeThichUngBDKHID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Hạng mục	hangMuc	Chuỗi kí tự	String	100	Tên hạng mục đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu
Loại chương trình	loaiCT	Số nguyên	Integer	1	Các giá trị xác định: 1: Đào tạo 2: Chuyển đổi sinh kế
Số người dân tham gia	soNguoiThamGia	Số nguyên	Integer		Số lượng người dân tham gia (người)
Tỷ lệ nữ	tyLeNu	Số thực	Real		Tỷ lệ nữ (%)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.23. Dữ liệu về kết quả thực hiện đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai					
Tên bảng dữ liệu: DaoTaoKyNangThichUngBDKH					
Mã đối tượng	DaoTaoKyNangThichUngBDK	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
	HID				bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chương trình đào tạo	tenCT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên chương trình đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai
Số người dân tham gia	soNguoiThamGia	Số nguyên	Integer	10	Số lượng người dân tham gia (người)
Tỷ lệ nữ	tyLeNu	Số thực	Real	10	Tỷ lệ nữ (%)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.24. Dữ liệu về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi					
Tên bảng dữ liệu: BaoQuanDTLSVH					
Mã đối tượng	BaoQuanDTLSVHID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	tenCT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi kí tự	String	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	loaiHangMuc	Số nguyên	Integer	1	Các giá trị xác định: 1: Bảo quản 2: Tu bổ và phục hồi
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					đổi khí hậu”
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.25. Dữ liệu về cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: CSHTDuLich					
Mã đối tượng	CSHTDuLichID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	tenCT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên công trình cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi kí tự	String	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	loaiHangMuc	Số nguyên	Integer	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục “Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu”
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.1.26. Dữ liệu về công trình thể thao ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: CSHTTheThao					
Mã đối tượng	CSHTTheThaoID	Chuỗi kí tự	String	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	tenCT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên công trình cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	diaDiem	Chuỗi kí tự	String	255	Địa điểm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Loại hạng mục công việc	loaiHangMuc	Số nguyên	Integer	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.2. Dữ liệu về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu					
3.4.1.3.1.2.1. Dữ liệu về kết quả xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn					
Tên bảng dữ liệu: CSHTGiamNheBDKH					
Mã đối tượng	CSHTGiamNheBDKH ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	tenCT	Chuỗi kí tự	String	100	Tên công trình, hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn
Đơn vị tính	donViTinh	Chuỗi kí tự	String	255	Đơn vị tính (Hệ thống/Trạm…)
Số lượng	soLuong	Số nguyên	Integer	10	Số lượng công trình, hệ thống, trạm quan trắc
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real		Kinh phí thực hiện (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.4.1.3.1.2.2. Dữ liệu về kết quả dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn; dự báo khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQDUBAOCANHBAO					
Mã đối tượng	CSHTGiamNheBDKH ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hình bản tin dự báo, cảnh báo	LoaiHinhBanTin	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Loại hình bản tin dự báo, cảnh báo
Số lượng	DVT	Số nguyên	INT	10	Số lượng bản tin dự báo, cảnh báo
Số lượng	SoLuong	Số nguyên	INT	10	Số lượng công trình, hệ thống, trạm quan trắc
Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)	PhamVi	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Mô tả phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.2.3. Dữ liệu về tỷ lệ người dân tại các vùng có rủi ro thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo					
Tên bảng dữ liệu: TyLeTiepCanThongTinCanhBao					
Mã đối tượng	tyLeTiepCanThongTinCanhBao ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu vực dự báo, cảnh báo	tenKhuVuc	Chuỗi kí tự	String	100	Tên khu vực dự báo, cảnh báo
Tổng dân số trong khu vực	soDan	Số nguyên	Integer	10	Tổng dân số trong khu vực (người)
Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh	tyLeTiepCanTT	Số thực	Real	10	Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo (%)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
báo					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.2.4. Dữ liệu về số hộ gia đình trong vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai được di dời đến nơi an toàn.					
Tên bảng dữ liệu: SOHODANDIDOI					
Mã đối tượng	soHoDanDiDoiID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu vực nguy cơ rủi ro thiên tai	tenKhuVuc	Chuỗi kí tự	String	100	Tên khu vực dự báo, cảnh báo
Tổng số hộ gia đình	soHoDan	Số nguyên	Integer	10	Tổng số hộ gia đình trong khu vực nguy cơ rủi ro thiên tai (hộ)
Số hộ gia đình được di rời đến nơi an toàn	soHoDanDiDoi	Số nguyên	Integer	10	Số hộ gia đình được di rời đến nơi an toàn (hộ)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.2.5. Dữ liệu về xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao					
Tên bảng dữ liệu: BANDORUIROCHITIETCAPXA					
Mã đối tượng	BanDoRuiRoChiTietCapXa ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản đồ	TenBanDo	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên bản đồ, Phiên hiệu mảnh bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao
Tỷ lệ bản đồ	TyLeBD	Chuỗi kí tự	CHAR	50	Tỷ lệ bản đồ
Loại hình rủi ro thiên tai	LoaiHinhThienTai	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Mô tả Loại hình rủi ro thiên tai
Phạm vi phân vùng (tên khu vực)	PhamVi	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Phạm vi phân vùng (tên khu vực)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.2.6. Dữ liệu về kết quả xây dựng, nâng cấp, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai					
Tên bảng dữ liệu: BAODAMANTOANCONGTRINH					
Mã đối tượng	BaoDamAnToanCongTrinhID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên công trình hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	LoaiHangMuc	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.1.3.1.2.7. Dữ liệu tổng hợp về tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: TKTonThatThietHai					
Mã đối tượng	TonThatThietHaiID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại thiệt hại	loaiThietHai	Chuỗi kí tự	String	100	Mô tả loại thiệt hại
Đơn vị tính	donViTinh	Chuỗi kí tự	String	50	Đơn vị tính của đối tượng tổn thất thiệt hại (Công trình/Nhà ở …)
Giá trị tổn thất, thiệt hại	giaTriThietHai	Số thực	Real		Giá trị tổn thất, thiệt hại (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	Integer	1	Tham chiếu đến Bảng danh mục "Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu"
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các tài liệu, báo cáo, bảng biểu đính kèm)
3.4.1.3.1.2.8. Dữ liệu về hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập					
Tên bảng dữ liệu: PAHOCHUA					
Mã đối tượng	PAHoChuaID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hồ chứa	TenHo	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa chỉ hồ chứa
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	LVHoatDongThichUng	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.4.2. Dữ liệu thuộc tính về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu					
3.4.2.1. Dữ liệu về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: KQHoatDongThichUngQG					
Mã đối tượng	KQHoatDongThichUngQGID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	noiDungThucHuen	Chuỗi ký tự	Integer		Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.2.2. Dữ liệu về tình hình thực hiện quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các bộ, ngành					
Tên bảng dữ liệu: KQHoatDongThichUngBoNganh					
Mã đối tượng	KQHoatDongThichUngBoNganhID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Bộ, ngành thực hiện	boNganh	Số nguyên	Integer	2	Tham chiếu tới bảng Danh mục "Bộ/Ngành"
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	noiDungThucHuen	Chuỗi ký tự	String		Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					văn số....
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.2.3. Dữ liệu về tình hình thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương					
Tên bảng dữ liệu: KQHoatDongThichUngDP					
Mã đối tượng	KQHoatDongThichUngDPID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tỉnh/Thành phố thực hiện	capTinh	Chuỗi ký tự	String	2	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	String	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	noiDungThucHuen	Chuỗi ký tự	String	255	Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.5. Dữ liệu thuộc tính về bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn					
3.5.1. Danh mục các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal					
Tên bảng dữ liệu: DanhMucHoaChat					
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là dãy các chữ số duy nhất ấn định cho mỗi hóa chất trong một bảng dữ liệu, được sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					hình dữ liệu quan hệ
Tên chất (tiền tố và ký hiệu)	tenChat	Chuỗi ký tự	String	100	Là danh sách tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Tên hóa học	kyHieuHoaHoc	Chuỗi ký tự	String	50	Là ký hiệu hóa học tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Công thức hóa học	congThucHoaHoc	Chuỗi ký tự	String	50	Là ký hiệu mô tả tên hóa học của chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Số hiệu môi chất lạnh	soHieuMoiChatLanh	Chuỗi ký tự	String	50	Là ký hiệu mã hóa môi chất lạnh
Tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP)	chiSoTiemNangODP	Số thực	Real		Các chỉ số mặc định về tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn ODP
Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)	chiSoTiemNangGWP	Số nguyên	Integer	10	Các chỉ số mặc định về tiềm năng làm nóng lên toàn cầu GWP
3.5.1.1. Các chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ					
Tên bảng dữ liệu: DanhMucChatCam					
Mã đối tượng	DanhMucChatCamID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Danh mục các chất quản lý"
Mã hàng hóa (HS)	maHS	Số nguyên	Integer	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Mô tả hàng hóa	moTaHangHoa	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Loại chất được	loaiHoaChatKiemSoat	Số nguyên	Integer	1	Loại chất Được tham chiếu đến bảng danh mục "Loại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
kiểm soát					chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	chinhSachODS	Chuỗi ký tự	String	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất ODS cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.1.2. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: DanhMucChatODSCoKiemSoat					
Mã đối tượng	ChatODSKSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng “Danh mục các chất quản lý”
Mã hàng hóa (HS)	maHS	Số nguyên	Integer	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Mô tả hàng hóa	moTaHangHoa	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Loại chất được kiểm soát	loaiHoaChatKiemSoat	Số nguyên	Integer	1	Loại chất Được tham chiếu đến bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	chinhSachODS	Chuỗi ký tự	String	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất ODS làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.1.3. Các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: DanhMucChatGHGCoKiemSoat					
Mã đối tượng	ChatGHGKSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng “Danh mục các chất quản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					lý”
Mã hàng hóa (HS)	maHS	Số nguyên	Integer	10	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính (GHG)
Mô tả hàng hóa	moTaHangHoa	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính cần được kiểm soát
Loại chất được kiểm soát	loaiHoaChatKiemSoat	Số nguyên	Integer	1	Loại chất được tham chiếu đến bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	chinhSachODS	Chuỗi ký tự	String	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất GHG gây hiệu ứng nhà kính
Liên kết file	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.1.4. Các sản phẩm, thiết bị, hàng hóa có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: DanhMucTBHHChuaChatKiemSoat					
Mã đối tượng	TBHHKSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hàng hóa	tenTBHH	Chuỗi ký tự	String	50	Là tên của của sản phẩm, thiết bị, hàng hóa
Mã hàng hóa (HS)	maHS	Số nguyên	Integer	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính
Mô tả chi tiết hàng hóa có chứa chất được kiểm soát	moTaHangHoa	Chuỗi ký tự	String	255	Là thông tin về hàng hóa và loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng “Danh mục các chất quản lý”
Loại chất được kiểm soát	loaiHoaChatKiemSoat	Số nguyên	Integer	1	Loại chất được kiểm soát, tham chiếu đến bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	chinhSachODS	Chuỗi ký tự	String	255	Nội dung quy định quản lý các thiết bị, hàng hóa, sản phẩm chứa chất cần kiểm soát

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.2 Danh mục tổ chức đăng ký sử dụng chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal;					
Tên bảng dữ liệu: ToChucSuDungChatKiemSoat					
Mã đối tượng	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên Tổ chức, doanh nghiệp	tenToChucDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	String	100	Là tên tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát.
Mã số doanh nghiệp	maToChucDoanhNghiep	Số nguyên	Integer	20	Là mã số đăng ký của tổ chức doanh nghiệp
Lĩnh vực kinh doanh	loaiHinhSXKDODS	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu đến Bảng Danh mục "Phân loại Tổ chức sản xuất kinh doanh chất ODS"
3.5.2.1. Thông tin đăng ký về việc sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức					
Tên bảng dữ liệu: QuanLyDangKyChatODS					
Mã đối tượng	dangKyChatODSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã Tổ chức, doanh nghiệp	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát"
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất đăng ký sử dụng, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Danh mục các chất quản lý"
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Nội dung thông tin	thongTinCongBo	Chuỗi ký tự	String		Là những thông tin về tình hình đăng ký sử dụng chất ODS của các Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					doanh
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.2.2.Thông tin sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức					
Tên bảng dữ liệu: QuanLySuDungChatODS					
Mã đối tượng	suDungODSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã Tổ chức, doanh nghiệp	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát"
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	String	12	Mã số của loại hóa chất đăng ký sử dụng, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Danh mục các chất quản lý"
Thời gian nộp báo cáo	thoiHanBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo theo năm
Nội dung thông tin	thongTinCongBo	Chuỗi ký tự	String		Là những thông tin về tình hình sử dụng chất ODS của các tổ chức, doanh nghiệp
Tình trạng báo cáo	tinhTrangBaoCao	Chuỗi ký tự	String		Là nhưng thông tin về thời hạn nộp báo cáo
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.3.Thông tin phân bổ hạn ngạch các chất được kiểm soát					
3.5.3.1. Danh sách phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: HanNgachNKChatODS					
Mã đối tượng	NKODSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	toChucPhanBo	Chuỗi ký tự	String	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát, là khóa ngoại liên kết tới bảng "Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát"
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khẩu cho doanh nghiệp	hanNgachNK	Chuỗi ký tự	String	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.3.2. Danh sách phân bổ hạn ngạch sản xuất các chất được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: HanNgachSXChatODS					
Mã đối tượng	SXChatODSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	toChucPhanBo	Chuỗi ký tự	String	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát được phân bổ hạn ngạch, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khẩu cho doanh nghiệp	hanNgachSX	Chuỗi ký tự	String	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.3.3. Thông tin điều chỉnh phân bổ hạn ngạch sản xuất các chất được kiểm soát					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: DieuChinhHanNgachSXChatODS					
Mã đối tượng	DCSXODSID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	namCongBo	Số nguyên	Integer	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	toChucPhanBo	Chuỗi ký tự	String	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo điều chỉnh phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	toChucID	Chuỗi kí tự	String		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát được phân bổ hạn ngạch, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khâu cho doanh nghiệp	hanNgachDieuChinh	Chuỗi ký tự	String	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ điều chỉnh cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.5.4. Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal					
Tên bảng dữ liệu: BCQG_NghiDinhThuMONTREAL					
Mã đối tượng	BCQGMONTREALID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Tổ chức báo cáo	toChucBaoCao	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tên tổ chức báo cáo
Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (các chất	tongTieuThuQGChatODP	Số thực	REAL		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (các chất HCFC và Methyl bromide) qua các năm (tấn ODP)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
HCFC và Methyl bromide) qua các năm					
Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC qua các năm (tấn CO2 tương đương).	tongTieuThuQGChatHFC	Số thực	REAL		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC qua các năm (tấn CO2 tương đương).
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (là file đính kèm Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal hàng năm)
3.6. Dữ liệu thuộc tính về kết quả đánh giá khí hậu quốc gia					
3.6.1. Dữ liệu về Dao động của khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DaoDongKhiHau					
Mã đối tượng	daoDongKhiHauID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu tới bảng danh mục "Thời kỳ đánh giá biến đổi khí hậu"
Nhiệt độ	danhGiaNhietDoTB_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nhiệt độ trung bình trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nhiệt độ	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lượng mưa	danhGiaMuaTB_ ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lượng mưa trung bình trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nước biển dâng	danhGiaNuocBienDang_ ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nước biển dâng trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nước biển dâng	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Xâm nhập mặn	danhGiaXanNhapMan_ ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của xâm nhập mặn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về xâm nhập mặn	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Bão và áp thấp nhiệt đới	danhGiaBaoATND_ ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của bão và áp thấp nhiệt đới trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về bão và áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Mưa lớn	danhGiaMuaLon_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa lớn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về mưa lớn	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lũ	danhGiaLu_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lũ trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lũ	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lũ quét và sạt lở	danhGiaLuQuetSatLo_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
đất					lũ quét và sạt lở đất trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lũ quét và sạt lở đất	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nắng nóng, hạn hán	danhGiaNangHan_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nắng nóng, hạn hán trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nắng nóng, hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Rét đậm	danhGiaRetDam_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét đậm trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về rét đậm	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Rét hại	danhGiaRetHai_ ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét hại trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Mưa đá	danhGiaMuaDa_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa đá trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về mưa đá	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Sương muối	danhGiaSuongMuoi_ThoiKy	Chuỗi ký tự	String	255	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của sương muối trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
cáo đánh giá về sương muối					đồ đính kèm)
3.6.2. Dữ liệu về mức độ phù hợp của kịch bản so với diễn biến thực tế của khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: MucDoPhuHopKichBan					
Mã đối tượng	mucDoPhuHopKichBan ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kịch bản biến đổi khí hậu	kichBanBienDoiKhiHau	Số nguyên	INT	1	Được tham chiếu tới bảng danh mục "Kịch bản biến đổi khí hậu"
Nhiệt độ	kQDanhGiaPhuHopNhietDo	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nhiệt độ theo các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nhiệt độ;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp nhiệt độ	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lượng mưa	kQDanhGiaPhuHopLuongMua	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của lượng mưa theo các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của lượng mưa;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Bão và áp thấp nhiệt đới	kQDanhGiaPhuHopBaoATND	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của bão và áp thấp nhiệt đới theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của bão và áp thấp nhiệt đới;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
độ phù hợp bão và áp thấp nhiệt đới					
Rét đậm, rét hại	kQDanhGiaPhuHopRetHai	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của rét đậm, rét hại theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của rét đậm, rét hại;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp rét đậm, rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nắng nóng	kQDanhGiaPhuHopNangNong	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nắng nóng theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nắng nóng;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Hạn hán	kQDanhGiaPhuHopHanHan	Chuỗi ký tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của hạn hán theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế hạn hán;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
3.6.3. Dữ liệu về mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu					
3.6.3.1. Mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các bộ/ngành					
Tên bảng dữ liệu: MucDoSuDungKichBanTW					
Mã đối tượng	mucDoSuDungKichBanTWID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Kịch bản biến đổi khí hậu	kichBanBienDoiKhiHau	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu tới bảng danh mục "Kịch bản biến đổi khí hậu"
Đối tượng sử dụng	doiTuongSuDung	Số nguyên	Integer	2	Đối tượng sử dụng kịch bản. Được tham chiếu tới bảng danh mục "Các Bộ quản lý"
Mức độ sử dụng ở cấp trung ương và các bộ/ngành	kQMucDoSuDungKichBanTW	Chuỗi kí tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các Bộ/ngành
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ sử dụng Kịch bản biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các bộ/ngành	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.6.3.2. Mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương					
Tên bảng dữ liệu: MucDoSuDungKichBanDP					
Mã đối tượng	mucDoSuDungKichBanDPID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kịch bản biến đổi khí hậu	kichBanBienDoiKhiHau	Số nguyên	Integer	1	Được tham chiếu đến bảng danh mục "Kịch bản biến đổi khí hậu"
Đối tượng sử dụng	doiTuongSuDung	Số nguyên	Integer	2	Được tham chiếu đến danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Mức độ sử dụng ở địa phương	kQMucDoSuDungKichBanDP	Chuỗi kí tự	String	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương
Liên kết file Báo	URL	Chuỗi kí tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
cáo đánh giá mức độ sử dụng Kịch bản biến đổi khí hậu ở địa phương					
3.7. Dữ liệu thuộc tính về kịch bản biến đổi khí hậu					
3.7.1. Diễn biến, xu thế của nhiệt độ trung bình năm					
3.7.1.1. Diễn biến, xu thế của nhiệt độ trung bình năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: NhietDoTrungBinhNamTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ trung bình	NHIETDOTBNAM	Số thực	REAL		Nhiệt độ trung bình
3.7.1.2 Diễn biến, xu thế của nhiệt độ trung bình năm theo vung					
Tên bảng dữ liệu: NhietDoTrungBinhNamVung					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ trung bình	NHIETDOTB	Số thực	REAL		Nhiệt độ trung bình
3.7.1.3 Báo cáo Diễn biến, xu thế nhiệt độ trung bình năm					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoNhietDoTB					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Biểu đồ thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Bản đồ thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
File báo cáo thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
3.7.2.1 Tên bảng dữ liệu: NhietDoCaoNhatNamTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMAX	Số thực	REAL		Nhiệt độ cao nhất
3.7.2.2 Diễn biến, xu thế của nhiệt độ cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: NhietDoCaoNhatNamVung					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMAX	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất
3.7.2.3 Báo cáo Diễn biến, xu thế nhiệt độ cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoNhietDoMAXVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất
Biểu đồ thay đổi nhiệt độcao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
File báo cáo thay	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
đổi nhiệt độ cao nhất					
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.3.1 Diễn biến, xu thế của nhiệt độ thấp nhất năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: NhietDoThapNhatNamTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMIN	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất
3.7.3.2 Diễn biến, xu thế của nhiệt độ thấp nhất năm theo vung					
Tên bảng dữ liệu: NhietDoThapNhatNamVung					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMIN	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất
3.7.3.3 Báo cáo Diễn biến, xu thế nhiệt độ thấp nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoNhietDoMINVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất
Biểu đồ thay đổi nhiệt độcao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi nhiệt độ thấp nhất
File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
nhất					
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.4.1 Số ngày nắng nóng năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: SoNgayNangNongTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày nắng nóng	SONGAYNONG	Số nguyên	INT		Số ngày nắng nóng
3.7.4.2 Số ngày nắng nóng năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: SoNgayNangNongVung					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày nắng nóng	SONGAYNONG	Số nguyên	INT		Số ngày nắng nóng
3.7.4.3 Báo cáo Số ngày nắng nóng năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoNangNongVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số ngày nắng nóng
Biểu đồ thay đổi Số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số ngày nắng nóng
Bản đồ thay đổi Số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số ngày nắng nóng
File báo cáo thay đổi Số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số ngày nắng nóng
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.5.1 Số ngày rét đậm, rét hại năm theo tỉnh					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: SoNgayRetDamRetHaiTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày rét đậm, rét hại	SONGAYRET	Số nguyên	INT		Số ngày rét đậm, rét hại
3.7.5.2 Số ngày rét đậm, rét hại năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu:	SoNgayRetDamRetHaiVung				
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày rét đậm, rét hại	SONGAYRET	Số nguyên	INT		Số ngày rét đậm, rét hại
3.7.5.3 Báo cáo rét đậm, rét hại năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoSoNgayRetDamRetHaiVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
Biểu đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
Bản đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
File báo cáo thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.7.6.1 Biến đổi lượng mưa năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: LuongMuaNamTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa
3.7.6.2 Biến đổi lượng mưa năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: LUONGMUANAMVUNG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa
3.7.6.3 Báo cáo biến đổi lượng mưa năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoLuongMuaNamVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi lượng mưa
Biểu đồ thay đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi lượng mưa
Bản đồ thay đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi lượng mưa
File báo cáo thay đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi lượng mưa
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.7.1 Biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: LuongMuaMaxNamTinh					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa cao nhất
3.7.7.2 Biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: LuongMuaMaxNamVung					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa cao nhất
3.7.7.3 Báo cáo biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoLuongMuaMAXNamVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi lượng mưa lớn nhất
Biểu đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất
Bản đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất
File báo cáo thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi lượng mưa lớn nhất
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.8.1 Số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới trong năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: SoLuongBaoTinh					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số lượng bão	SOLUONGBAO	Số nguyên	INT		Số lượng bão
Số lượng áp thấp nhiệt đới	SOLUONGAPTHAP	Số nguyên	INT		Số lượng áp thấp nhiệt đới
3.7.8.2 Số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới trong năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: SoLuongBaoVung					
Mã tỉnh	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số lượng bão	SOLUONGBAO	Số nguyên	INT		Số lượng bão
Số lượng áp thấp nhiệt đới	SOLUONGAPTHAP	Số nguyên	INT		Số lượng áp thấp nhiệt đới
3.7.8.3 Báo cáo số lượng bão, áp thấp nhiệt đới trong năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BaoCaoBaoATNDMAXNamVung					
Năm đầu	namDau	Chuỗi ký tự	String	4	Năm đầu
Năm cuối	namCuoi	Chuỗi ký tự	String	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
Biểu đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
Bản đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
File báo cáo thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.7.9.1 Loại trạm Hải Văn					
Tên bảng dữ liệu: TramHaiVan					
Mã trạm	MATINH	Số nguyên	INT		Mã trạm
Tên trạm		Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên trạm
Địa chỉ		Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ
3.7.9.2 Đánh giá xu thế biến đổi của mực nước biển					
Tên bảng dữ liệu: D DanhGiaXuTheBienDoiMucNuocBien					
Mã trạm	maTram	Chuỗi ký tự	String		Mã trạm hải văn
Thời gian quan trắc	thoiGianQuanTrac	Chuỗi ký tự	String	255	Thời gian quan trắc
Xu thế biến đổi	xuTheBienDoi	Số thực	Real		Xu thế biến đổi
Chỉ số kiểm nghiệm	chiSoKiemNghiem	Số thực	Real		Chỉ số kiểm nghiệm
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Đánh giá
Giai đoạn đánh giá	giaiDoanDanhGia	Chuỗi ký tự	String	255	Giai đoạn đánh giá
Bảng xu thế biến đổi mực nước biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Bảng xu thế biến đổi mực nước biển
Biểu đồ xu thế biến đổi mực nước biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Biểu đồ xu thế biến đổi mực nước biển
Bản đồ xu thế biến đổi mực nước biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Bản đồ xu thế biến đổi mực nước biển
File báo cáo xu thế biến đổi mực nước biển	URL	Chuỗi ký tự	String		File báo cáo xu thế biến đổi mực nước biển
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.7.10 Đánh giá xu thế biến đổi của sóng biển					
Tên bảng dữ liệu: DanhGiaXuTheBienDoiSongBien					
Mã trạm	maTram	Chuỗi ký tự	String		Mã trạm hải văn
Thời gian quan trắc	thoiGianQuanTrac	Chuỗi ký tự	String	255	Thời gian quan trắc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Xu thế biến đổi	xuTheBienDoi	Số thực	Real		Xu thế biến đổi
Chỉ số kiểm nghiệm	chiSoKiemNghiem	Số thực	Real		Chỉ số kiểm nghiệm
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Đánh giá
Giai đoạn đánh giá	giaiDoanDanhGia	Chuỗi ký tự	String	255	Giai đoạn đánh giá
Bảng xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Bảng xu thế biến đổi độ cao sóng biển
Biểu đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Biểu đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển
Bản đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Bản đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển
File báo cáo xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		File báo cáo xu thế biến đổi độ cao sóng biển
					Các hoạt động tác nghiệp: Tra cứu thay đổi của các thông số khí hậu theo kịch bản RCP2.6; RCP4.5; RCP8.5 (tương ứng với thấp, trung bình, cao)
3.7.11 Kịch bản biến đổi nhiệt độ trung bình năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiNhietDoTBNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục “Mùa”
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
độ trung bình					kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.7.12 Kịch bản biến đổi nhiệt độ cao nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiNhietDoMAXNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục “Mùa”
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
File báo cáo biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.7.13 Kịch bản biến đổi nhiệt độ thấp nhất nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiNhietDoMINNam					
Năm công bố kịch	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
bản					
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
File báo cáo biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.7.14 Kịch bản biến đổi số ngày rét đậm năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayRetDamNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày rét đậm	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày rét đậm	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày rét đậm	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
File báo cáo biến đổi số ngày rét đậm	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày rét đậm theo kịch bản
3.7.15 Kịch bản biến đổi số ngày rét hại năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayRetHaiNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày rét hai	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày rét hại theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày rét hai	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày rét hại theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày rét hai	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày rét hại theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày rét hai	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày rét hại theo kịch bản
3.7.16 Kịch bản biến đổi số ngày nắng nóng năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayNangNongNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Biểu đồ biến đổi số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày nắng nóng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày nắng nóng theo kịch bản
3.7.17 Kịch bản biến đổi số ngày hạn hán năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayHanHanNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục “Mùa”
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày hạn hán g theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày hạn hán theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày hạn hán theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày hạn hán	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày hạn hán theo kịch bản
3.7.18 Kịch bản biến đổi số lượng mưa trung bình					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayLuongMuaTrungBinh					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi lượng mưa theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi lượng mưa theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi lượng mưa theo kịch bản
File báo cáo biến đổi lượng mưa	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa theo kịch bản
3.7.19 Kịch bản biến đổi số lượng mưa cao nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoNgayLuongMuaMAXNam					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Mùa	mua	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu đến bảng danh mục "Mùa"
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi lượng mưa cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi lượng mưa cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
Bản đồ biến đổi lượng mưa cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
File báo cáo biến đổi lượng mưa cao nhất	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa cao nhất theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
3.7.20 Kịch bản biến đổi số cơn bão, áp thấp nhiệt đới					
Tên bảng dữ liệu: KBBienDoiSoBaoATND					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản
File báo cáo số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa cao nhất theo kịch bản
3.7.21 Kịch bản độ cao sóng biển					
Tên bảng dữ liệu: KBDoCaoSongBien					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Biểu đồ biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
Bản đồ biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
File báo cáo biến đổi độ cao sóng biển	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
3.7.22 Kịch bản nước biển dâng					
Tên bảng dữ liệu: KBNuocBienDang					
Năm công bố kịch bản	nam	Số thực	Real		Năm công bố kịch bản
Thời kỳ đánh giá	thoiKyDanhGia	Số thực	Real		Thời kỳ đánh giá
Thời kỳ cơ sở	thoiKyCoSo	Số thực	Real		Thời kỳ cơ sở
Đánh giá	noiDungDanhGia	Chuỗi ký tự	String		Nội dung đánh giá
Bảng mực nước biển dâng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bảng mực nước biển dâng theo kịch bản
Biểu đồ mực nước biển dâng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Biểu đồ mực nước biển dâng theo kịch bản
Bản đồ mực nước biển dâng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến Bản đồ mực nước biển dâng i theo kịch bản
File báo cáo mực nước biển dâng	URL	Chuỗi ký tự	String		Đường dẫn đến File báo cáo mực nước biển dâng theo kịch bản
3.8. Dữ liệu thuộc tính về nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn					
3.8.1. Kết quả nguồn lực đầu tư và quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư cho thích ứng biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: NLDauTuUngPhoBDKH					
Mã đối tượng	nguonLucID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Cấp đầu tư	capDauTu	Chuỗi ký tự	String	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Nguồn lực đầu tư	nguonDauTu	Chuỗi ký tự	String	1	1: Ngân sách nhà nước 2: Vốn hỗ trợ quốc tế (ODA vốn vay và không hoàn lại) 3: Vốn từ khu vực tư nhân
Hạng mục	hangMuc	Chuỗi ký tự	String	255	Tên Hạng mục đầu tư cho thích ứng biến đổi khí hậu
Kinh phí	kinhPhi	Số thực	Real	10	Kinh phí đầu tư của hạng mục, tính bằng triệu đồng
Tỷ lệ so với tổng kinh phí	tyLeDauTu	Số thực	Real	5	Tỷ lệ so với tổng kinh phí, tính theo %
Tỷ lệ giải ngân	tyLeGiaiNgan	Số thực	Real	5	Tỷ lệ giải ngân so với kinh phí đã phê duyệt, tính theo %
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8.2. Kết quả đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQDaoTaoUngPhoBDKH					
Mã đối tượng	KQDaoTaoID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Cấp thực hiện	capDauTu	Chuỗi ký tự	String	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	soNguoi	Số nguyên	Integer	10	Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu	soCoSoDaoTao	Số nguyên	Integer	10	Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8.3. Kết quả hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQTuyenTruyenBDKH					
Mã đối tượng	kQTuyenTruyenID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Cấp thực hiện	capDauTu	Chuỗi ký tự	String	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Tên chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu	tenChuongTrinh	Chuỗi ký tự	String	255	Tên chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu
Địa điểm thực hiện	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm thực hiện
Tỷ lệ người dân tham gia so với tổng dân số	tyLeThamGia	Số thực	Real	10	Tỷ lệ người dân tham gia so với tổng dân số (%)
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8.4. Danh mục chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DMLongGhepBDKH					
Mã đối tượng	longGhepBDKHID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
					bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Cấp xây dựng	capXD	Số nguyên	Integer	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Tên	tenVB	Chuỗi ký tự	String	255	Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu
Tên đơn vị xây dựng	donVi	Chuỗi ký tự	String	100	Tên đơn vị xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch
Nội dung lồng ghép	noiDungLongGhep	Chuỗi ký tự	String		Nội dung biến đổi khí hậu được lồng ghép
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8.5. Tổ chức và nhân lực ứng phó với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: ToChucBoMayUngPhoBDKH					
Mã đối tượng	toChucBoMayID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Cấp báo cáo	capBaoCao	Số nguyên	Integer	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Tên đơn vị báo cáo	donViBaoCao	Chuỗi ký tự	String	100	Tên đơn vị báo cáo
Tên cơ quan, đơn vị chuyên môn	tenDonViChuyenNganh	Chuỗi ký tự	String	100	Tên cơ quan, đơn vị chuyên môn liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu
Số lượng công chức, viên chức	soNguoi	Số nguyên	Integer	10	Số lượng công chức, viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.9. Dữ liệu thuộc tính về hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn					
3.9.1. Danh mục các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu ký kết và thực hiện					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	**Ký hiệu trường thông tin**	**Tiếng Việt**	**Tiếng Anh**		
Tên bảng dữ liệu: DieuUocQuocTe					
Mã đối tượng	dieuUocQuocTe ID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Real	4	Năm báo cáo
Tên điều ước, thỏa thuận	tenVB	Chuỗi ký tự	String	255	Tên điều ước, thỏa thuận
Thời gian có hiệu lực	thoiGianHieuLuc	Chuỗi ký tự	String	255	Thời gian có hiệu lực
Cơ quan, tổ chức tham gia	benThamGia	Chuỗi ký tự	String	255	Cơ quan, tổ chức tham gia
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.9.2. Kết quả thu hút, vận động hỗ trợ cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQHoTroQuocTe					
Mã đối tượng	hoTroQuocTeID	Chuỗi kí tự	String		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	namBaoCao	Số nguyên	Integer	4	Năm báo cáo
Tên chương trình, dự án	tenDuAn	Chuỗi ký tự	String	255	Tên chương trình, dự án
Thời gian thực hiện	thoiGianThucHien	Chuỗi ký tự	String	255	Thời gian thực hiện
Địa điểm thực hiện	diaDiem	Chuỗi ký tự	String	255	Địa điểm thực hiện
Kinh phí dự kiến	kinhPhiDuKien	Số thực	Real		Kinh phí dự kiến (tr. đồng)
Liên kết file	URL	Chuỗi ký tự	String		Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc